

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Đinh Thị Kim Thu**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Hòa Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG - 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Đinh Thị Kim Thu**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Hòa Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG – 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Đinh Thị Kim Thu

Mã SV: 1312401097

Lớp: QTL701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động  
kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Tìm hiểu lý luận về công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
  - Tìm hiểu thực trạng công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị thực tập;
  - Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Suru tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
  - **Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng**

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Hòa Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 07 năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đinh Thị Kim Thu

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

ThS. Hòa Thị Thanh Hương

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2015*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

### 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- .....
- .....
- .....
- .....
- .....

### 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- .....
- .....
- .....
- .....
- .....
- .....
- .....

### 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

- Điểm số:.....
- Điểm chữ:.....điểm.

*Hải Phòng, ngày..... tháng..... năm 2015*

**Cán bộ hướng dẫn**

**ThS. Hòa Thị Thanh Hương**

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
<b>CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	<b>3</b>
<b>1.1 Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính tại Doanh nghiệp</b>	<b>3</b>
<i>1.1.1 Khái niệm Báo cáo tài chính</i> .....	<i>3</i>
<i>1.1.2 Mục đích, vai trò của Báo cáo tài chính</i> .....	<i>3</i>
<i>1.1.2.1 Mục đích của Báo cáo tài chính</i> .....	<i>3</i>
<i>1.1.2.2 Vai trò của Báo cáo tài chính</i> .....	<i>4</i>
<i>1.1.3 Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp</i> .....	<i>5</i>
<i>1.1.3.1 Báo cáo tài chính năm</i> .....	<i>5</i>
<i>1.1.3.2 Báo cáo tài chính giữa niên độ</i> .....	<i>5</i>
<i>1.1.4 Trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính</i> .....	<i>6</i>
<i>1.1.5 Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính</i> .....	<i>7</i>
<i>1.1.6 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính</i> .....	<i>8</i>
<i>1.1.6.1 Nguyên tắc hoạt động liên tục</i> .....	<i>8</i>
<i>1.1.6.2 Nguyên tắc cơ sở dồn tích</i> .....	<i>8</i>
<i>1.1.6.3 Nguyên tắc nhất quán</i> .....	<i>8</i>
<i>1.1.6.4 Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp</i> .....	<i>8</i>
<i>1.1.6.5 Nguyên tắc bù trừ</i> .....	<i>9</i>
<i>1.1.6.6 Nguyên tắc có thể so sánh</i> .....	<i>9</i>
<i>1.1.7 Kỳ lập, thời hạn nộp và nơi nhận Báo cáo tài chính</i> .....	<i>9</i>
<i>1.1.7.1 Kỳ lập báo cáo tài chính</i> .....	<i>9</i>
<i>1.1.7.2 Thời hạn nộp báo cáo tài chính</i> .....	<i>10</i>
<i>1.1.7.3 Nơi nhận báo cáo tài chính</i> .....	<i>10</i>
<b>1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh và phương pháp lập báo cáo kết quả kinh doanh</b> .....	<b>11</b>
<i>1.2.1 Khái niệm, nội dung và kết cấu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>11</i>
<i>1.2.1.1 Khái niệm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (BCKQHDKD)</i> .....	<i>11</i>
<i>1.2.1.2 Nội dung và kết cấu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> .....	<i>11</i>
<i>1.2.2 Công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> .....	<i>12</i>
<i>1.2.3 Cơ sở lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> .....	<i>14</i>

<b>1.2.4 Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b> .....	14
<b>1.3 Nội dung và phương pháp phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b> .....	17
<b>1.3.1 Mục đích, ý nghĩa, và chức năng của việc phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b> .....	17
<b>1.3.2. Sự cần thiết và các phương pháp phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b> .....	19
1.3.2.1. Sự cần thiết phải phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	19
1.3.2.2. Phương pháp phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	19
<b>1.3.3 Nội dung của phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b> .....	21
1.3.3.1 Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu chủ yếu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	21
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH</b> .....	25
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI</b> .....	25
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG</b> .....	25
<b>2.1 Giới thiệu khái quát về Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng</b> .....	25
<b>2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng</b> .....	25
<b>2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng</b> .....	25
2.1.2.1 Chức năng, nhiệm vụ của công ty .....	25
2.1.2.2 Thuận lợi, khó khăn của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng.....	26
2.1.2.3 Đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty .....	27
2.1.2.4 Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty.....	28
<b>2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng</b> .....	28
<b>2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng</b> .....	30
<b>2.1.5 Chế độ kế toán và hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng</b> .....	32
2.1.5.1 Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty .....	32
2.1.5.2 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty Cổ phần Công trình giao thông HP .....	32



<b>2.2 Thực trạng công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng</b> .....	34
<b>2.2.1 Trình tự lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b> .....	34
2.2.1.1 Nguồn số liệu.....	34
2.2.1.2 Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty .....	34
<b>2.3 Công tác phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng</b> .....	55
<b>CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG</b> .....	56
<b>3.1 Một số định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng trong thời gian tới</b> .....	56
<b>3.2 Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng</b> .....	56
3.2.1 <i>Những ưu điểm trong công tác kế toán nói chung, công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng</i> .....	56
3.2.2 <i>Những hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng</i> .....	58
<b>3.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng</b> .....	59
3.3.1 <i>Ý kiến thứ nhất công ty nên xây dựng quy trình phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> .....	59
3.3.2 <i>Ý kiến thứ hai công ty nên tiến hành phân tích cơ cấu doanh thu giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp(CPQLDN)</i> .....	60
3.3.3 <i>Ý kiến thứ ba công ty nên phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các tỷ số phản ánh khả năng sinh lời</i> .....	62
3.3.4 <i>Ý kiến thứ tư công ty nên chú trọng đến vấn đề luân chuyển chứng từ</i> .....	63
3.3.5 <i>Biện pháp 5 Công ty nên thay thế phần mềm kế toán mới</i> .....	63
<b>KẾT LUẬN</b> .....	68
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	69

## DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất xây lắp tại công ty CP Công trình giao thông HP.....	28
Sơ đồ 2.2: Mô hình cơ cấu tổ chức của công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng.....	29
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Công trình giao thông HP.....	31
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng.....	33
Hình 2.1 Giao diện phần mềm kế toán sử dụng tại Công ty CP công trình giao thông HP.....	33
Sơ đồ 2.5 Quy trình lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	35
Hình 2.2 Màn hình thực hiện thao tác sắp xếp trật tự chứng từ.....	37
Hình 2.3 Màn hình thao tác in sổ NKC.....	37
Hình 2.4 Màn hình thao tác thực hiện chọn Sổ Cái.....	40
Hình 2.5 Giao diện màn hình thực hiện thao tác kết chuyển các TK từ nhóm 5 đến nhóm 9. ....	47
Sơ đồ 2.6: Sơ đồ tổng hợp các bút toán kết chuyển tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng.....	48
Hình 2.6: Thực hiện thao tác chọn Bảng cân đối tài khoản.....	50
Hình 2.7. Màn hình thực hiện thao tác in BCKQHDKD.....	53
Hình 3.1. Giao diện làm việc của MISA.....	64
Hình 3.2. Giao diện của phần mềm kế toán FAST Accounting.....	65
Hình 3.3. Giao diện phần mềm kế toán SMART.....	67

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 1.1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Mẫu B02-DN .....	13
Bảng 1.2 Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo chiều ngang .....	22
Bảng 1.3 Phân tích cơ cấu doanh thu, giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	23
Bảng 1.4: Bảng phân tích các tỷ suất sinh lời.....	24
Bảng 2.1 Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty CP Công trình giao thông HP trong 3 năm gần đây .....	27
Biểu số 2.1: Trích Hóa đơn GTGT số 000017 ngày 17/7/2014 tại công ty.....	38
Biểu 2.2: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2014.....	39
Biểu 2.3: Trích Sổ Cái TK 511 của công ty năm 2014.....	41
Biểu 2.4: Trích Giấy Báo Có kèm theo sổ phụ ngân hàng ngày 25/1/2014 .....	42
Biểu 2.5: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2014.....	43
Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK 515 năm 2014 tại công ty .....	44
Biểu 2.7: Trích bảng tổng hợp doanh thu .....	46
Biểu số 2.8: Trích sổ cái TK 911 năm 2014 .....	49
Biểu 2.9: Bảng cân đối tài khoản tại công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng.....	51
Biểu 2.10: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 của công ty .....	54
Bảng 3.2 : Bảng phân tích các tỷ suất sinh lời.....	62
Bảng 3.1 : Phân tích sự biến động của giá vốn, CPQLDN .....	60
Biểu 3.1 Sổ giao nhận chứng từ.....	63

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Tên	Kí hiệu
Báo cáo tài chính	BCTC
Doanh nghiệp nhà nước	DNNN
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	BCKQHĐKD
Bất động sản	BDS
Tiêu thụ đặc biệt	TTĐB
Xuất khẩu	XK
Giá trị gia tăng	GTGT
Bảo hiểm xã hội	BHXH
Kinh phí công đoàn	KPCĐ
Tài sản cố định	TSCĐ
Nguyên vật liệu	NVL
Công cụ, dụng cụ	CCDC
Chi phí quản lý doanh nghiệp	CPQLDN
Nhật ký chung	NKC

## LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay trong nền kinh tế quốc dân nói chung và trong từng doanh nghiệp xây lắp nói riêng đã không ngừng đổi mới và phát triển cả hình thức quy mô và hoạt động xây lắp. Cho đến nay cùng chính sách mở cửa, các doanh nghiệp tiến hành hoạt động xây lắp đã góp phần quan trọng trong việc thiết lập nền kinh tế thị trường và đẩy nền kinh tế hàng hóa trên đà ổn định và phát triển. Đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng nói riêng việc lập báo cáo tài chính là rất quan trọng và cần thiết. Báo cáo tài chính là những báo cáo tổng hợp về tình hình tài sản và nguồn vốn, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh trong kỳ của một doanh nghiệp, là tài liệu quan trọng cung cấp các thông tin cần thiết cho việc đề ra các quyết định, các phương án kinh doanh tối ưu của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu trên Báo cáo tài chính, các nhà quản lý tiến hành phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng tài chính của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kết hợp giữa lý luận được tiếp thu tại nhà trường và qua quá trình thực tập tại doanh nghiệp em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài : “ Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng” làm đề tài khóa luận của mình. Ngoài lời mở đầu và phần kết luận, bài khóa luận của em được chia làm 3 chương như sau:

Chương 1: Một số lí luận cơ bản về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp .

Chương 2: Thực trạng công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng.

Chương 3: Một số ý kiến hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng.

Bài khóa luận của em được hoàn thành là nhờ sự giúp đỡ tạo điều kiện của ban Giám đốc và các cán bộ phòng Tài chính Kế toán của công ty, đặc biệt là sự chỉ bảo tận tình của *Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương*. Tuy nhiên, do thời gian và trình độ có hạn nên bài báo cáo của em khó tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo tận tình của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

# **CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

## **1.1 Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính tại Doanh nghiệp**

### **1.1.1 Khái niệm Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính (BCTC) là những báo cáo tổng hợp về tình hình tài sản và nguồn vốn, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh trong kỳ của một doanh nghiệp. Báo cáo tài chính là tài liệu quan trọng cung cấp các thông tin cần thiết cho việc đề ra các quyết định, các phương án kinh doanh tối ưu của doanh nghiệp. Ngoài ra, báo cáo tài chính còn cần thiết cho các nhà đầu tư, người cho vay, các tổ chức quần chúng trong doanh nghiệp. Vậy việc lập báo cáo tài chính là rất quan trọng và cần thiết với từng doanh nghiệp.

### **1.1.2 Mục đích, vai trò của Báo cáo tài chính**

#### **1.1.2.1 Mục đích của Báo cáo tài chính**

Tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nguồn vốn, công nợ, tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Báo cáo tài chính có ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực quản lý kinh tế, thu hút sự quan tâm của nhiều đối tượng ở bên trong cũng như bên ngoài doanh nghiệp. Mỗi đối tượng quan tâm đến báo cáo tài chính trên một góc độ khác nhau, song nhìn chung đều nhằm có được những thông tin cần thiết cho việc ra các quyết định phù hợp với mục đích của mình.

- Với nhà quản lý doanh nghiệp, báo cáo tài chính cung cấp thông tin quan trọng về tình hình sản xuất, kinh doanh, kết quả tài chính và triển vọng phát triển của doanh nghiệp. Trên cơ sở số liệu tổng hợp phản ánh trên báo cáo tài chính, các nhà quản lý trong doanh nghiệp phân tích, đánh giá tình hình tài sản, nguồn vốn, công nợ và khả năng phát triển doanh nghiệp. Tìm ra những ưu, nhược điểm và nguyên nhân của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đã qua. Đồng thời trên cơ sở phân tích các thông tin đáng tin cậy đã thực hiện để dự đoán triển vọng cho tương lai.

- Với các cơ quan hữu quan của nhà nước như tài chính, ngân hàng kiểm toán, thuế... BCTC là tài liệu quan trọng trong việc kiểm tra giám sát, hướng

dẫn, tư vấn cho doanh nghiệp thực hiện các chính sách, chế độ, thể lệ về tài chính, kế toán, thuế và kỹ luật tài chính, tín dụng, ngân hàng..

- Với các nhà đầu tư, các nhà cho vay báo cáo tài chính giúp họ nhận biết khả năng về tài chính, tình hình sử dụng các loại tài sản, nguồn vốn, khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Từ đó, tạo cơ sở tin cậy cho họ quyết định đầu tư vào doanh nghiệp, cho doanh nghiệp vay hay không.

- Với nhà cung cấp, báo cáo tài chính giúp họ nhận biết cơ bản về khả năng thanh toán, để từ đó họ có thể quyết định bán hàng hay không bán hàng hoặc áp dụng phương thức thanh toán hợp lý để nhanh chóng thu hồi tiền hàng.

- Với khách hàng, báo cáo tài chính giúp cho họ phân tích, đánh giá khả năng, năng lực sản xuất và tiêu thị sản phẩm, mức độ uy tín của doanh nghiệp để quyết định có ứng tiền hàng trước khi mua hàng hay không?

Để thực sự trở thành công cụ quan trọng trong quản lý kinh tế, báo cáo tài chính phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản dưới đây:

- Báo cáo tài chính phải được lập chính xác, trung thực, đúng mẫu biểu đã quy định, có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan và phải có dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị để đảm bảo tính pháp lý của báo cáo.

- Báo cáo tài chính phải đảm bảo tính thống nhất về nội dung, trình tự và phương pháp lập theo quyết định của nhà nước, từ đó người sử dụng có thể so sánh, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua các thời kỳ, hoặc giữa các doanh nghiệp với nhau.

Số liệu phản ánh trong báo cáo tài chính phải rõ ràng, đủ độ tin cậy và dễ hiểu, đảm bảo thuận tiện cho những người sử dụng thông tin trên báo cáo tài chính phải đạt được mục đích của họ.

Báo cáo tài chính phải được lập và gửi theo đúng thời hạn quy định.

Ngoài ra báo cáo tài chính còn phải đảm bảo tuân thủ các khái niệm, nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận và ban hành. Có như vậy hệ thống báo cáo tài chính mới thực sự hữu ích, mới đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của các đối tượng sử dụng để ra các quyết định phù hợp.

#### *1.1.2.2 Vai trò của Báo cáo tài chính*

Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng không chỉ với doanh nghiệp mà còn phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp, như các cơ quan quản lý Nhà nước, các nhà đầu tư hiện tại và các nhà đầu tư tiềm năng, các chủ nợ, nhà quản lý, kiểm toán viên độc lập và các đối tượng khác có



liên quan. Mặt khác, báo cáo tài chính còn là tài liệu quan trọng cho các cơ quan chức năng để việc kiểm tra việc chấp hành các chính sách, chế độ thể lệ về tài chính, trên cơ sở đó có biện pháp kịp thời hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện tốt các chính sách, chế độ kinh tế tài chính. Sau đây chúng ta sẽ xem xét vai trò của Báo cáo tài chính thông qua một số đối tượng chủ yếu:

- Đối với nhà nước: Báo cáo tài chính cung cấp thông tin cần thiết giúp cho việc thực hiện chức năng quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế, giúp cho các cơ quan tài chính Nhà nước thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất với hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời làm cơ sở cho việc tính thuế và các khoản nộp khác của doanh nghiệp đối với ngân sách của Nhà nước.

- Đối với nhà quản lý doanh nghiệp: Các nhà quản lý thường cạnh tranh với nhau để tìm kiếm nguồn vốn và cố gắng thuyết phục với các nhà đầu tư và các chủ nợ rằng họ sẽ đem lại mức lợi nhuận cao nhất với độ rủi ro thấp nhất. Ngoài ra các nhà quản lý còn sử dụng báo cáo tài chính để tiến hành quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

- Đối với các chủ đầu tư, các chủ nợ: Nhìn chung các nhà đầu tư và các chủ nợ đòi hỏi báo cáo tài chính vì 2 lí do: họ cần các thông tin tài chính để giám sát và bắt buộc các nhà quản lý phải thực hiện theo đúng hợp đồng đã kí kết, và họ cần các thông tin tài chính để thực hiện các quyết định đầu tư và cho vay của mình.

- Đối với các kiểm toán viên độc lập: Các nhà đầu tư và cung cấp tín dụng có lí do để mà lo lắng rằng các nhà quản lý có thể bóp méo các báo cáo tài chính mà họ cung cấp nhằm mục đích tìm nguồn vốn hoạt động. Như vậy, báo cáo tài chính đóng vai trò như là đối tượng của kiểm toán viên độc lập.

### ***1.1.3 Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp***

Hệ thống báo cáo tài chính gồm báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### ***1.1.3.1 Báo cáo tài chính năm***

Báo cáo tài chính năm, gồm:

- |  |                  |
|--|------------------|
| - Bảng cân đối kế toán                 | Mẫu số B 01 - DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DN  |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | Mẫu số B 03 - DN |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính    | Mẫu số B 09 - DN |

#### ***1.1.3.2 Báo cáo tài chính giữa niên độ***

Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ và báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược.

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính tổng hợp.

1) Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ, gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ  
( dạng đầy đủ) Mẫu số B 01a-DN;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ  
(dạng đầy đủ) Mẫu số B 02a-DN;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ  
( dạng đầy đủ) Mẫu số B 03a-DN;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc Mẫu số B 09a-DN.

2) Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược, gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng tóm lược) Mẫu số B 01b-DN;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ  
(dạng tóm lược) Mẫu số B 02b-DN;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ  
(dạng tóm lược) Mẫu số B 03b-DN;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc Mẫu số B 09a-DN.

3) Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất Mẫu số B 01-DN/HN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Mẫu số B02-DN/HN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Mẫu số B03-DN/HN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Mẫu số B09-DN/HN

4) Báo cáo tài chính tổng hợp, gồm:

- Bảng cân đối kế toán tổng hợp Mẫu số B 01-DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp Mẫu số B 02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp Mẫu số B 03-DN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp Mẫu số B 09-DN

#### ***1.1.4 Trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính***

1) Tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế đều phải lập và trình bày báo cáo tài chính năm.

Các công ty, Tổng công ty có các đơn vị kế toán trực thuộc, ngoài việc phải lập báo cáo tài chính năm của công ty, Tổng công ty còn phải lập báo cáo

tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kì kế toán năm dựa trên báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trực thuộc công ty, Tổng công ty.

2) Đối với doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán còn phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ.

Các doanh nghiệp khác nếu tự nguyện lập báo cáo tài chính giữa niên độ thì được lựa chọn dạng đầy đủ hoặc tóm lược.

Đối với Tổng công ty Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước (DNNN) có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. (\*)

3) Công ty mẹ và tập đoàn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (\*) và báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kì kế toán năm theo quy định tại Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ. Ngoài ra còn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất sau khi hợp nhất kinh doanh theo quy định của chuẩn mực kế toán số 11 “Hợp nhất kinh doanh”

( (\*) Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được thực hiện từ năm 2008)

### ***1.1.5 Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính***

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21- Trình bày báo cáo tài chính, gồm:

- Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp với quy định của từng chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin đáng tin cậy, khi:

- Trình bày trung thực, hợp lí tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;

- Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng;

- Trình bày khách quan, không thiên vị;

- Tuân thủ nguyên tắc thận trọng;

- Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

Việc lập báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khóa sổ kế toán. Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kì kế toán. Báo cáo tài chính phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký, đóng dấu của đơn vị.

### ***1.1.6 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính***

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ 6 nguyên tắc đã được quy định tại chuẩn mực kế toán số 21 – Trình bày báo cáo tài chính, gồm:

#### ***1.1.6.1 Nguyên tắc hoạt động liên tục***

- Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

- Để đánh giá khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp, Giám đốc doanh nghiệp cần xem xét đến mọi thông tin có thể dự đoán được tối thiểu trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### ***1.1.6.2 Nguyên tắc cơ sở dồn tích***

Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo cơ sở dồn tích, ngoại trừ thông tin liên quan đến luồng tiền.

Theo nguyên tắc này các giao dịch và sự kiện sẽ được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của các kỳ kế toán liên quan.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### ***1.1.6.3 Nguyên tắc nhất quán***

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ kế toán này sang niên độ kế toán khác, trừ khi:

+ Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện.

+ Một chuẩn mực kế toán

#### ***1.1.6.4 Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp***

Để xác định một khoản mục hay một tập hợp các khoản mục là trọng yếu phải đánh giá tính chất và quy mô của chúng. Tùy theo các tình huống cụ thể tính chất và quy mô của từng khoản mục có thể là nhân tố quyết định tính trọng yếu.

Theo nguyên tắc trọng yếu doanh nghiệp không nhất thiết phải tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính của các chuẩn mực kế toán cụ thể nếu các thông tin đó không có tính trọng yếu.

***1.1.6.5 Nguyên tắc bù trừ***

**a) Bù trừ tài sản và nợ phải trả:**

Khi ghi nhận được giao dịch thực tế và các sự kiện để lập và trình bày báo cáo tài chính không được bù trừ tài sản và công nợ, mà phải trình bày riêng biệt tất cả các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính.

**b) Bù trừ doanh thu, thu nhập khác và chi phí:**

Được bù trừ theo quy định tại một chuẩn mực kế toán khác;

Một số giao dịch ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp thì được bù trừ khi ghi nhận giao dịch và trình bày báo cáo tài chính.

***1.1.6.6 Nguyên tắc có thể so sánh***

Theo nguyên tắc có thể so sánh giữa các kỳ kế toán, trong các báo cáo tài chính như: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phải trình bày các số liệu để so sánh.

***1.1.7 Kỳ lập, thời hạn nộp và nơi nhận Báo cáo tài chính.***

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20-3-2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính thì kỳ lập, thời hạn nộp và nơi nhận Báo cáo tài chính được quy định như sau:

***1.1.7.1 Kỳ lập báo cáo tài chính***

**a) Kỳ lập báo cáo tài chính năm**

Các doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập báo cáo tài chính cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

**b) Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ là mỗi quý của năm tài chính (không bao gồm quý IV)

**c) Kỳ lập báo cáo tài chính khác**

Các doanh nghiệp có thể lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác nhau (tháng, 6 tháng, 9 tháng...) theo yêu cầu của pháp luật, của công ty mẹ hoặc của chủ sở hữu.

Đơn vị kế toán bị chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản phải lập báo cáo tài chính tại thời

điểm chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản.

**1.1.7.2 Thời hạn nộp báo cáo tài chính**

**a) Đối với doanh nghiệp nhà nước**

- Thời hạn nộp báo cáo tài chính theo quý:

+ Đơn vị kế toán phải nộp BCTC theo quý chậm nhất là 20 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý; đối với Tổng công ty nhà nước chậm nhất là 45 ngày;

+ Đơn vị kế toán trực thuộc Tổng công ty nhà nước nộp BCTC quý cho Tổng công ty theo thời hạn do Tổng công ty quy định.

- Thời hạn nộp báo cáo tài chính năm:

+ Đơn vị kế toán phải nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; đối với Tổng công ty nhà nước chậm nhất là 90 ngày;

+ Đơn vị kế toán trực thuộc Tổng công ty nhà nước nộp báo cáo tài chính năm cho Tổng công ty theo thời hạn do Tổng công ty quy định.

**b) Đối với các doanh nghiệp khác**

- Đơn vị kế toán là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh phải nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; đối với các đơn vị khác, thời hạn nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày;

- Đơn vị kế toán trực thuộc nộp báo cáo tài chính năm có đơn vị kế toán cấp trên theo thời hạn do đơn vị kế toán cấp trên quy định.

**1.1.7.3 Nơi nhận báo cáo tài chính**

Các loại doanh nghiệp (4)	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan Thuế (2)	Cơ quan Thống Kê	DN cấp trên (3)	Cơ quan đăng kí kinh doanh
1. Doanh nghiệp nhà nước	Quý, Năm	X(1)	X	X	X	X
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	X	X	X	X	X
3. Các loại hình doanh nghiệp khác	Năm		X	X	X	X

(1) Đối với các doanh nghiệp Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải lập và nộp báo cáo tài chính cho Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước Trung ương còn phải nộp Báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính.

Đối với các doanh nghiệp Nhà nước như: Ngân hàng thương mại, công ty Sở sở kiến thiết, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty kinh doanh chứng khoán phải nộp Báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính. Riêng công ty kinh doanh chứng khoán còn phải nộp báo cáo tài chính cho Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

(2) Các doanh nghiệp phải gửi báo cáo tài chính cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thuế địa phương. Đối với các Tổng công ty Nhà nước còn phải nộp báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế).

(3) DNNN có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp báo cáo tài chính cho đơn vị cấp trên. Đối với doanh nghiệp khác có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp báo cáo tài chính cho đơn vị cấp trên theo quy định của đơn vị kế toán cấp trên.

(4) Đối với các doanh nghiệp mà pháp luật quy định phải kiểm toán báo cáo tài chính thì phải kiểm toán trước khi nộp báo cáo tài chính theo quy định. Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp đã thực hiện kiểm toán phải đính kèm báo cáo kiểm toán và báo cáo tài chính khi nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp cấp trên.

## **1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh và phương pháp lập báo cáo kết quả kinh doanh**

### ***1.2.1 Khái niệm, nội dung và kết cấu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

#### ***1.2.1.1 Khái niệm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (BCKQHDKD)***

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp, chi tiết theo từng hoạt động kinh doanh chính và các hoạt động khác, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước về thuế và các khoản phải nộp khác.

#### ***1.2.1.2 Nội dung và kết cấu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và kết quả khác (Bảng 1.1)

Báo cáo gồm có 5 cột:

- + Cột số 1: Các chỉ tiêu báo cáo
- + Cột số 2: Mã số các chỉ tiêu tương ứng

- + Cột số 3: Số hiệu tương ứng với các chỉ tiêu của báo cáo này được thể hiện chỉ tiêu trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính.
- + Cột số 4: Tổng số phát sinh trong kì báo cáo năm;
- + Cột số 5: Số liệu của năm trước(để so sánh)

***1.2.2 Công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Để đảm bảo tính kịp thời và chính xác của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán cần tiến hành các công việc sau:

- Kiểm soát các chứng từ kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ đã cập nhật vào sổ kế toán chưa, nếu cần hoàn chỉnh tiếp tục ghi sổ kế toán(đây là khâu đầu trong việc kiểm soát thông tin kế toán là có thực, vì chứng từ kế toán là bằng chứng, chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh)
- Cộng sổ kế toán các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 để kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Khóa sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.



*Bảng 1.1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Mẫu B02-DN*

**Đơn vị báo cáo:.....**

**Mẫu số B02-DN**

**Địa chỉ:.....**

*(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Năm:.....*

*Đơn vị tính:.....*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết Minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 – 02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 – 11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26		
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
Trong đó: chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20 + (21-22) – (24+25)}	30			
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40)	50			
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60= 50-51-52)	60			
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70			

*Lập, ngày.....tháng.....năm.....*

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (\*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần

- Đối chiếu sự phù hợp về số liệu kế toán giữa các sổ kế toán tổng hợp với nhau, giữa sổ kế toán tổng hợp với sổ kế toán chi tiết. Nếu thấy chưa phù hợp phải thực hiện điều chỉnh lại số liệu theo nguyên tắc sửa chữa.

- Kiểm kê và lập biên bản xử lý kiểm kê, thực hiện điều chỉnh số liệu trên hệ thống sổ kế toán trên cơ sở biên bản xử lý kiểm kê.

- Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### ***1.2.3 Cơ sở lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

- Căn cứ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

### ***1.2.4 Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

- “Mã số” ghi ở cột 2 dùng để cộng khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Số hiệu ghi vào cột 3 “Thuyết minh” của báo cáo này thể hiện số liệu chi tiết của chỉ tiêu này trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm.

- Số liệu ghi vào cột 5 “Năm trước” của báo cáo kỳ này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước.

- Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu ghi vào cột 4 “Năm nay” như sau:

#### **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, bất động sản (BDS) đầu tư và cung cấp dịch vụ trong báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế Số phát sinh bên Có của TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” trong năm báo cáo trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

#### **2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp các tài khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại và thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu (XK), thuế giá trị gia tăng (GTGT) của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong

kỳ báo cáo. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” đối ứng với bên Có các TK 521 “Chiết khấu thương mại”, TK 531 “Hàng bán bị trả lại” TK 532 “Giảm giá hàng bán” TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” (TK 3331, 3332, 3333) trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

### **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)**

Chỉ tiêu này phản ánh số doanh thu về bán hàng hóa, thành phẩm, BĐS đầu tư và cung cấp dịch vụ đã trừ các khoản giảm trừ chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương thức trực tiếp. Trong kỳ báo cáo, là căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Mã số 10 = Mã số 01 - Mã số 02

### **4. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá vốn hàng hóa, BĐS đầu tư, giá thành sản xuất và thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ hoàn thành đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế Số phát sinh bên Có của TK 632 “Giá vốn hàng bán” trong kỳ báo cáo đối ứng bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

### **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)**

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm, BĐS đầu tư và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ báo cáo. Mã số 20 = Mã số 10 – Mã số 11.

### **6. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)**

Chỉ tiêu này phản ánh doanh thu hoạt động tài chính thuần (Tổng doanh thu hoạt động tài chính trừ(-) thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (nếu có) liên quan đến hoạt động khác) phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ của TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” đối ứng với bên Có TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

### **7. Chi phí tài chính (Mã số 22)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí tài chính, gồm tiền lãi vay phải trả, chi phí bản quyền, chi phí hoạt động liên doanh... phát sinh trong kỳ báo cáo của

doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế Số phát sinh bên Có TK 635 “Chi phí tài chính” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

Chi phí lãi vay (Mã số 23)

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí lãi vay phải trả được tính vào chi phí tài chính trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào Sổ kế toán chi tiết tài khoản 635.

#### **8. Chi phí bán hàng (Mã số 24)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí bán hàng hóa, thành phẩm đã bán, dịch vụ đã cung cấp phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên Có TK 641 “Chi phí bán hàng” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

#### **9. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên Có TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

#### **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)**

Chỉ tiêu này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này được tính toán trên cơ sở lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (+) Doanh thu hoạt động tài chính(-) Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo.

Mã số 30 = Mã số 20 + (Mã số 21 – Mã số 22) – Mã số 24 – Mã số 25

#### **11. Thu nhập khác (Mã số 31)**

Chỉ tiêu này phản ánh các thu nhập khác như (sau khi đã trừ thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp, phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu được ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số phát sinh bên Nợ TK 711 “Thu nhập khác” ” đối ứng với bên Có của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

#### **12. Chi phí khác (Mã số 32)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng các chi phí khác phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu được ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của tài

khoản 811 “ Chi phí khác” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

**13. Lợi nhuận khác (Mã số 140)**

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp) với chi phí khác phát sinh trong kỳ báo cáo. Mã số 40= Mã số 31 – Mã số 32.

**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận kế toán thực hiện trong năm báo cáo của doanh nghiệp trước khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh, hoạt động phát sinh trong kỳ báo cáo. Mã số 50= Mã số 30 + Mã số 40.

**15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)**

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 8211 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 821.

**16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)**

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại hoặc thu nhập thuế thu nhập hoãn lại trong năm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 8212.

**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (Mã số 60)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thuần (hoặc lỗ) sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp (sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp) phát sinh trong năm báo cáo. Mã số 60= Mã số 51+ Mã số 52.

**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mã số 70)**

Chỉ tiêu này được hướng dẫn cách tính toán theo hông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán số 30 “Lãi trên cổ phiếu”.

**1.3 Nội dung và phương pháp phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

***1.3.1 Mục đích, ý nghĩa, và chức năng của việc phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Phân tích báo cáo tài chính nói chung hay phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng là quá trình xem xét, kiểm tra, đối chiếu và so sánh số liệu tài chính hiện hành với quá khứ. Thông qua phân tích báo cáo tài chính, người sử dụng thông tin có thể đánh giá khả năng tiềm tàng, hiệu quả kinh doanh cũng như những rủi ro tương lai.

Hoạt động tài chính có mối quan hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp và có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành, tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Do đó tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh đều có ảnh hưởng đến tình hình tài chính doanh nghiệp.

Ngược lại, tình hình tài chính tốt hay xấu đều có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm đối với quá trình sản xuất kinh doanh. Vì thế cần phải thường xuyên, kịp thời đánh giá, kiểm tra tình hình tài chính của doanh nghiệp, trong đó công tác phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữ vai trò quan trọng và có ý nghĩa sau:

- Qua phân tích tình hình tài chính mới đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình phân phối, sử dụng và quản lý các loại vốn, nguồn vốn, vạch rõ khả năng tiềm tàng về vốn của xí nghiệp. Trên cơ sở đó đề ra biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giúp doanh nghiệp củng cố tốt hơn hoạt động tài chính của mình.

- Phân tích tình hình tài chính là công cụ không thể thiếu phục vụ cho công tác quản lý của cơ quan cấp trên, cơ quan tài chính, ngân hàng như: đánh giá tình hình thực hiện các chế độ, chính sách về tài chính của nhà nước, xem xét việc cho vay vốn...

Đối với nhà quản trị doanh nghiệp: Phân tích tình hình tài chính nhằm mục tiêu:

- Tạo thành các chu kỳ đánh giá đều đặn về các hoạt động kinh doanh quá khứ, tiến hành cân đối tài chính, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, trả nợ, rủi ro tài chính của doanh nghiệp.

- Định hướng các quyết định của ban giám đốc như: quyết định đầu tư, tài trợ, phân chia lợi tức, cổ phần,...

- Là cơ sở cho các dự báo tài chính: kế hoạch đầu tư, phân ngân sách tiền mặt

- Là công cụ để kiểm soát các hoạt động quản lý...

Đối với chủ sở hữu: Thông qua phân tích tình hình tài chính giúp họ đánh giá hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh, khả năng điều hành hoạt động của nhà quản trị để quyết định sử dụng hoặc bãi miễn nhà quản trị, cũng như

quyết định việc phân phối kết quả kinh doanh.

Đối với nhà chủ nợ: (Ngân hàng, các nhà cho vay, nhà cung cấp) mối quan tâm của họ hướng vào khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Do đó họ cần chú ý đến tình hình và khả năng thanh toán của đơn vị cũng như quan tâm đến lượng vốn chủ sở hữu khả năng sinh lời để đánh giá đơn vị có khả năng trả nợ được hay không trước khi quyết định cho vay hay bán chịu sản phẩm cho đơn vị.

Đối với nhà đầu tư trong tương lai: Họ thường phân tích báo cáo tài chính của đơn vị qua các thời kỳ, để quyết định đầu tư vào đơn vị hay không, đầu tư dưới hình thức nào và đầu tư vào lĩnh vực nào.

Đối với cơ quan chức năng: Như cơ quan thuế, thông qua thông tin trên báo cáo tài chính xác định các khoản nghĩa vụ đơn vị phải thực hiện đối với nhà nước, cơ quan thống kê tổng hợp phân tích hình thành số liệu thống kê, chỉ số thống kê...

Vì vậy, thông qua phân tích hoạt động tài chính có thể xem xét các số liệu tài chính hiện hành với quá khứ từ đó người sử dụng thông tin đánh giá thực trạng tài chính, hiệu quả kinh doanh cũng như rủi ro trong tương lai hoặc triển vọng phát triển của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó có biện pháp hữu hiệu và ra các quyết định cần thiết để nâng cao chất lượng công tác quản lý.

### ***1.3.2. Sự cần thiết và các phương pháp phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

#### ***1.3.2.1. Sự cần thiết phải phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước, các doanh nghiệp đều được bình đẳng trước pháp luật trong kinh doanh.. Đối với mỗi doanh nghiệp, ngoài chủ doanh nghiệp còn có đối tượng khác quan tâm như các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các nhà cho vay... Chính vì vậy mà việc thường xuyên phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp nói chung hay phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng giúp cho doanh nghiệp thấy được mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình hình tài chính doanh nghiệp để đưa ra các biện pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng, công tác quản lý tài chính.

#### ***1.3.2.2. Phương pháp phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Để phân tích tài chính doanh nghiệp, người ta có thể sử dụng một hay nhiều các phương pháp khác nhau trong hệ thống các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp. Những phương pháp thường dùng trong phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là: Phương pháp so sánh, phương pháp cân đối,

phương pháp tỉ lệ, phương pháp thay thế liên hoàn...

**a) Phương pháp so sánh**

Đây là phương pháp được sử dụng rộng rãi, phổ biến trong phân tích kinh tế nói chung, phân tích tài chính nói riêng. Sử dụng phương pháp so sánh để xác định xu hướng, mức độ biến động của các chỉ tiêu phân tích, để từ đó đánh giá được mức độ biến động của chỉ tiêu đó là tốt hay xấu. Về nguyên tắc phải đảm bảo các điều kiện có thể so sánh được các chỉ tiêu tài chính như: tính thống nhất về không gian, thời gian, nội dung, tính chất, đơn vị tính... Gốc so sánh được chọn là gốc về mặt thời gian hoặc không gian. Kỳ phân tích được chọn là kỳ báo cáo hoặc kỳ nghiên cứu. Trong phương pháp so sánh có 3 kỹ thuật chủ yếu sau:

- So sánh tuyệt đối: là mức biến động vượt (+) hay hụt (-) của chỉ tiêu nghiên cứu giữa kỳ nghiên cứu và kỳ gốc. Phản ánh sự biến động về quy mô hoặc khối lượng của chỉ tiêu phân tích
- So sánh tương đối: là tỷ lệ % của mức biến động giữa 2 kỳ (kỳ gốc và kỳ báo cáo). Kết quả so sánh phản ánh tốc độ phát triển của chỉ tiêu nghiên cứu
- So sánh kết cấu : là tỷ trọng của một chỉ tiêu kinh tế trong tổng các chỉ tiêu cần so sánh.

Quá trình phân tích kỹ thuật của phương pháp so sánh được thực hiện theo 3 hình thức:

- So sánh theo chiều dọc: là quá trình so sánh nhằm xác định các tỷ lệ tương quan giữa các chỉ tiêu cùng kỳ.
- So sánh theo chiều ngang: là quá trình so sánh nhằm xác định các tỷ lệ và chiều hướng biến động giữa các kỳ.
- So sánh xác định xu hướng và tính liên hệ của các chỉ tiêu: các chỉ tiêu riêng biệt hay các chỉ tiêu tổng hợp trên báo cáo được xem xét trong mối quan hệ với các chỉ tiêu khác, phản ánh quy mô chung và chúng có thể được xem xét nhiều kỳ để cho thấy rõ hơn xu hướng phát triển của các hiện tượng nghiên cứu.

**b) Phương pháp cân đối**

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hình thành nhiều mối quan hệ cân đối như cân đối giữa:

- Tài sản và nguồn vốn kinh doanh
- Các nguồn thu với các nguồn chi
- Nhu cầu sử dụng và khả năng thanh toán
- Nguồn sử dụng vật tư với nguồn huy động



Phương pháp cân đối được sử dụng nhiều trong công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngay cả trong công tác hạch toán, nhằm nghiên cứu các mối liên hệ cân đối về lượng giữa các yếu tố trong quá trình sản xuất kinh doanh.

**c) Phương pháp tỷ lệ**

Phương pháp tỷ lệ được áp dụng phổ biến trong phân tích tài chính vì nó dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính. Phương pháp tỷ lệ giúp các nhà phân tích khai thác có hiệu quả những số liệu và phân tích một cách có hệ thống hàng loạt tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục theo từng giai đoạn. Qua đó nguồn thông tin kinh tế và tài chính được cải tiến và cung cấp đầy đủ hơn. Từ đó cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy quá trình tính toán một số tỷ lệ. Như vậy, phương pháp trên nhằm tăng hiệu quả phân tích. Chúng ta sử dụng kết hợp hoặc sử dụng thêm một số phương pháp bổ trợ khác như:

Phương pháp liên hệ, phương pháp loại trừ nhằm tận dụng đầy đủ các ưu điểm của chúng ta để thực hiện mục đích nghiên cứu một cách tốt nhất.

***1.3.3 Nội dung của phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

***1.3.3.1 Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu chủ yếu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Đánh giá khái quát tình hình tài chính là việc xem xét, nhận định sơ bộ bước đầu về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công việc này sẽ cung cấp cho nhà quản lý biết được cũng như đánh giá được thực trạng tài chính của doanh nghiệp, nắm bắt được tình hình tài chính của doanh nghiệp khả quan hay không khả quan.

**a) Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo chiều ngang**

Nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung đòi hỏi phải trình bày thông tin của năm hiện hành và năm trước trên báo cáo tài chính. Điểm khởi đầu chung cho việc nghiên cứu các báo cáo tài chính đó là phân tích theo chiều ngang, bằng cách tính số tiền chênh lệch và tỷ lệ % chênh lệch từ năm này so với năm trước (Bảng 1.2)

*Bảng 1.2 Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo chiều ngang*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH VỚI PHÂN TÍCH THEO CHIỀU  
NGANG**

CHỈ TIÊU	Năm 201N-1	Năm 201N	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỉ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 – 02)				
4. Giá vốn hàng bán				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 – 11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính				
7. Chi phí tài chính Trong đó: chi phí lãi vay				
8. Chi phí bán hàng				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp				
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20 + (21-22) – (24+25)}				
11. Thu nhập khác				
12. Chi phí khác				
13. Lợi nhuận khác				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40)				
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60= 50-51-52)				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)				

**b) Phân tích cơ cấu doanh thu, giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Để tiến hành đánh giá tình hình biến động của doanh thu, giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp, ta tiến hành phân tích theo chiều dọc như bảng sau (Bảng 1.3). Bảng phân tích cơ cấu doanh thu, giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Thực hiện việc so sánh thể hiện sự biến động của giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác với doanh thu thuần nhằm đánh giá tổng quát về tình hình biến động của từng loại chi phí để từ đó đưa ra những giải pháp tốt nhất để mang lại lợi nhuận cao cho công ty/.

*Bảng 1.3 Phân tích cơ cấu doanh thu, giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp*

STT	Chỉ tiêu	Năm 201N-1		Năm 201N	
		Số tiền	Tỷ trọng(%)	Số tiền	Tỷ trọng(%)
1	Doanh thu thuần				
2	Giá vốn hàng bán				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
4	Chi phí hoạt động tài chính				
5	Chi phí khác				
6	Lợi nhuận trước thuế				

***c) Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ số phản ánh khả năng sinh lời***

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu tỷ số này cho biết lợi nhuận chiếm bao nhiêu phần trăm trong doanh thu. Tỷ số này mang giá trị dương nghĩa là công ty kinh doanh có lãi, tỷ số càng lớn nghĩa là lãi càng lớn. Tỷ số này mang dấu âm nghĩa là công ty đang bị thua lỗ.

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

✓ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản cho biết cứ 100 đồng Tổng tài sản

bình quân được sử dụng trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.

✓ Nếu tỷ số này lớn hơn 0, thì có nghĩa doanh nghiệp làm ăn có lãi. Tỷ số càng cao cho thấy doanh nghiệp làm ăn càng hiệu quả. Còn nếu tỷ số nhỏ hơn 0, thì doanh nghiệp làm ăn thua lỗ. Mức lãi hay lỗ được đo bằng phần trăm của giá trị bình quân tổng tài sản của doanh nghiệp. Tỷ số cho biết hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản để tạo ra thu nhập của doanh nghiệp.

✓ Tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh. Do đó, người phân tích tài chính doanh nghiệp chỉ sử dụng tỷ số này trong so sánh doanh nghiệp với bình quân toàn ngành hoặc với doanh nghiệp khác cùng ngành và so sánh cùng một thời kỳ.

- Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Nguồn vốn CSH bình quân}}$$

✓ Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu cho biết cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu được sử dụng trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.

✓ Nếu tỷ số này mang giá trị dương, là công ty làm ăn có lãi; nếu mang giá trị âm là công ty làm ăn thua lỗ.

✓ Cũng như tỷ số lợi nhuận trên tài sản, tỷ số này phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh. Ngoài ra, nó còn phụ thuộc vào quy mô và mức độ rủi ro của công ty. Để so sánh chính xác, cần so sánh tỷ số này của một công ty cổ phần với tỷ số bình quân của toàn ngành, hoặc với tỷ số của công ty tương đương trong cùng ngành.

✓ Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hay được đem so sánh với tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA). Nếu tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu lớn hơn ROA thì có nghĩa là đòn bẩy tài chính của công ty đã có tác dụng tích cực, nghĩa là công ty đã thành công trong việc huy động vốn của cổ đông để kiếm lợi nhuận với tỷ suất cao hơn tỷ lệ tiền lãi mà công ty phải trả cho các cổ đông.

*Bảng 1.4: Bảng phân tích các tỷ suất sinh lời*

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 201N-1	Năm 201N	Chênh lệch
Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	%			
Tỷ suất lợi nhuận/Tổng vốn	%			
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	%			

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG**

### **2.1 Giới thiệu khái quát về Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng**

#### **2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng**

Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng tiền thân là công ty cầu đường Hải Phòng, thành lập theo quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 16/01/1970 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng.

Ngày 12/ 01/ 1992 Công ty có quyết định thành lập doanh nghiệp số 129/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc chuyển đổi tên thành Công ty Công trình giao thông Hải Phòng.

Là một doanh nghiệp nhà nước, Công ty có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản giao dịch tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Phòng.

Ngày 14/02/2005 Công ty Công trình giao thông Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng theo hình thức bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp kết hợp với phát hành cổ phiếu nhằm thu hút thêm vốn để thành lập công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của công ty là: 12.600.000.000 đồng

Trong đó:

- Vốn cổ đông nhà nước: 6.804.000.000 đồng, chiếm 54 %
- Vốn cổ đông doanh nghiệp: 5.266.000.000 đồng, chiếm 41,79 %
- Vốn cổ đông ngoài doanh nghiệp: 530.000.000 đồng, chiếm 4,21%

Trụ sở chính của công ty: số 708 Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

#### **2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng**

##### **2.1.2.1 Chức năng, nhiệm vụ của công ty**

Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng có các ngành nghề kinh doanh chính sau:

- Tư vấn kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công các công trình giao thông nhà ở và các công trình dân dụng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất, bất động sản;
- Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu kỹ thuật các công trình giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Tư vấn quản lý dự án, giám sát kỹ thuật, lập hồ sơ mời thầu;
- Xây dựng các công trình giao thông: đường giao thông, cầu bê tông, cầu thép, các công trình thoát nước, sân bay, bến bãi, cảng biển;
- Sản xuất các loại vật liệu như: cầu kiện bê tông, sản xuất bê tông nhựa, sản xuất đá dăm;

***2.1.2.2 Thuận lợi, khó khăn của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng***

**a) Thuận lợi**

- Trong 3 năm gần đây công ty đã huy động thêm vốn chủ sở hữu và đã giảm được tỷ trọng nợ phải trả, không phụ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn vay.
- Công ty đã sử dụng linh hoạt và thận trọng công cụ đòn bẩy tài chính.
- Với đội ngũ công nhân làm việc hăng say, nhiệt tình có tinh thần trách nhiệm với công việc nên đảm bảo an toàn về thi công và luôn hoàn thành công việc trước thời hạn.
- Công ty đã đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình, tìm kiếm các hợp đồng mới, mở rộng quy mô trên toàn quốc đặc biệt là nơi có các công trình của nhà nước, nơi có các dự án phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất.

**b) Khó khăn**

- Vì là công ty xây lắp nên phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: điều kiện tự nhiên, thời tiết, quy trình công nghệ phức tạp, chu kỳ sản xuất kinh doanh, quy mô địa điểm là khác nhau nên công nhân thường xuyên di dời do đó phát sinh nhiều chi phí về việc di dời máy móc thiết bị.

Do vậy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng bị ảnh hưởng. Sau đây là một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong 3 năm gần đây của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng:

*Bảng 2.1 Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty CP Công trình giao thông HP trong 3 năm gần đây*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm</b>		
	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>
Tổng Doanh thu	163.688.746.026	164.076.774.888	155.520.733.444
Tổng Lợi nhuận	3.698.895.273	3.578.402.000	3.015.094.000
Nộp ngân sách nhà nước	647.306.637	894.600.500	603.018.800
Thu nhập bình quân trên người/năm	29.484.000	32.292.000	32.400.000

Nhận xét:

Qua bảng 2.1 trên ta thấy Tổng doanh thu năm 2013 so với năm 2012 tăng 387.998.800 đồng. Tổng doanh thu năm 2014 so với năm 2013 giảm 8.556.041.400 đồng.

Tổng lợi nhuận của công ty giảm dần trong 3 năm cụ thể như sau:

Năm 2013 so với năm 2012 là giảm 120.493.273 đồng. Năm 2014 so với năm 2013 giảm 563.308.000 đồng.

Vậy năm 2012 đóng góp cho ngân sách nhà nước là 647.306.637 đồng. Năm 2013 đóng góp cho ngân sách nhà nước là 894.600.500 đồng. Năm 2014 đóng góp cho ngân sách nhà nước là 603.018.800 đồng.

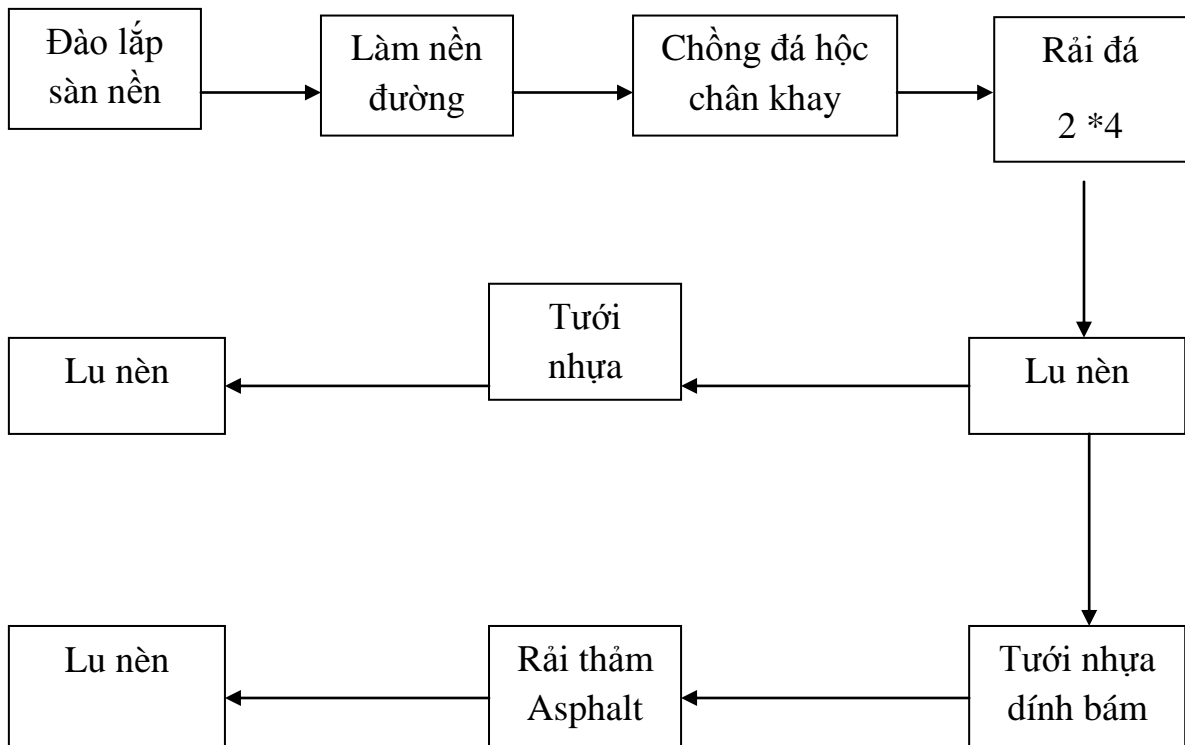
Năm 2014 nhà nước thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ, kiểm soát lạm phát và cắt giảm đầu tư công đã ảnh hưởng không nhỏ đến ngành xây dựng, thị trường bất động sản đóng băng đã có dấu hiệu tích cực song sự phục hồi vẫn diễn ra chậm nên đơn hàng các công trình giảm dần đến doanh thu và lợi nhuận giảm.

### *2.1.2.3 Đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty*

Hoạt động sản xuất của công ty là hoạt động xây lắp diễn ra dưới điều kiện sản xuất thiếu tính ổn định, luôn biến đổi theo địa điểm và giai đoạn thi công. Quá trình sản xuất mang đặc thù của ngành xây dựng cơ bản, chi phí lớn, thời gian kéo dài, quá trình sản xuất phức tạp chia làm nhiều giai đoạn, nhu cầu về vốn lớn.

**2.1.2.4 Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty**

Quy trình công nghệ sản xuất xây lắp của công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.1



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất xây lắp tại công ty CP Công trình giao thông HP

**2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng**

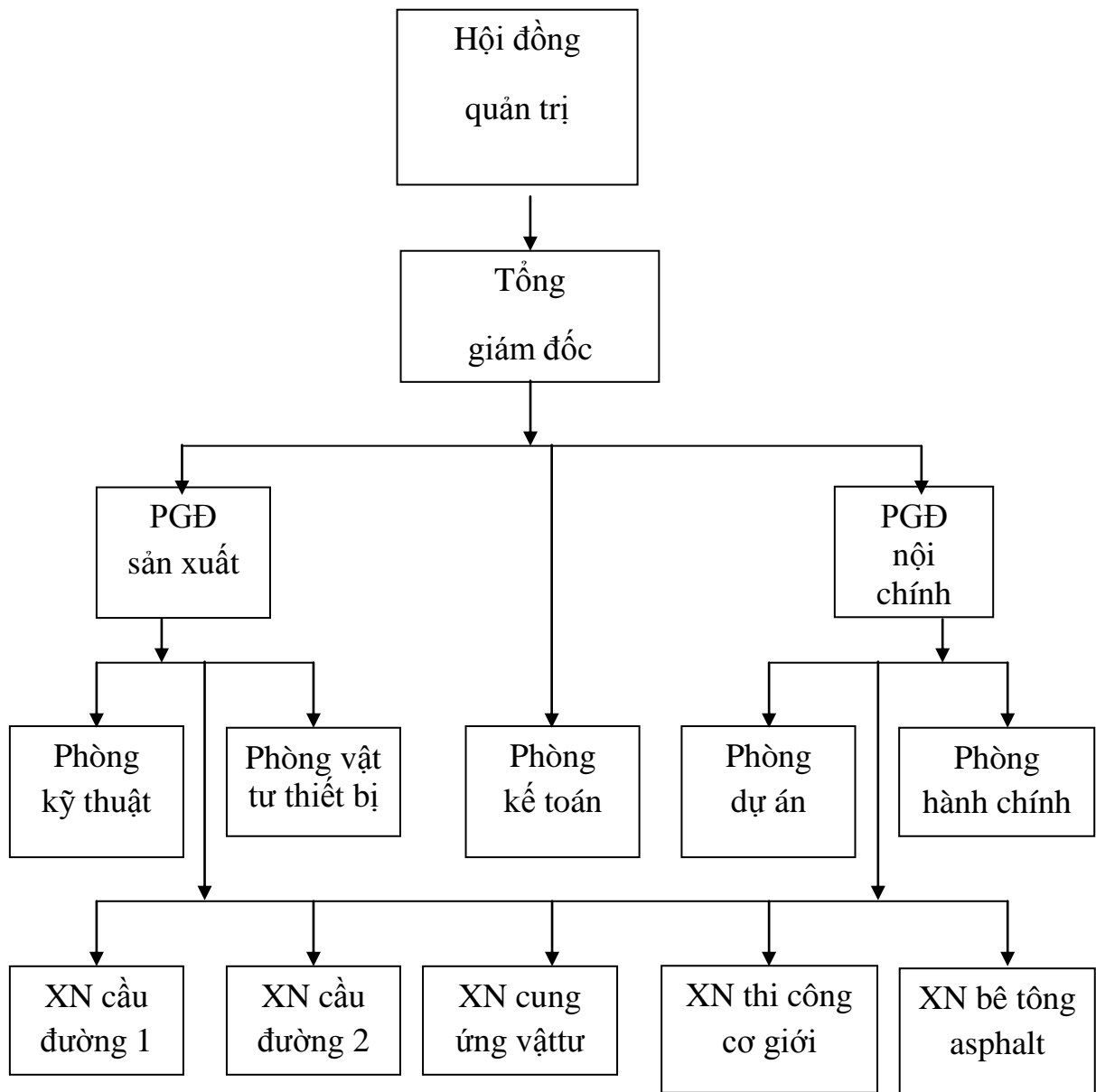
Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng có bộ máy tổ chức quản lý theo kiểu trực tuyến chức năng( sơ đồ 2.2)

Chức năng nhiệm vụ của bộ máy quản lý:

- Hội đồng quản trị: Gồm có 7 người, trong đó có 1 đại diện phân vốn Nhà nước. Hội đồng quản trị được bầu trực tiếp bằng thể thức bỏ phiếu kín tại đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của công ty, thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

- Ban lãnh đạo công ty gồm 1 Tổng Giám đốc và 2 phó giám đốc. Tổng Giám đốc là người đứng đầu công ty, có quyền quyết định cao nhất trong công ty





Sơ đồ 2.2: Mô hình cơ cấu tổ chức của công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

- Phòng Tổ chức hành chính: Giúp giám đốc tham mưu về chính sách lao động, xã hội và các chế độ, quyền lợi chính sách của cán bộ công nhân viên, điều động cán bộ công nhân viên cho hợp lý. Tham mưu tuyển dụng ký kết hợp đồng lao động, giải quyết chế độ chính sách đối với người lao động.
- Phòng Dự án: Có nhiệm vụ cơ bản chuẩn bị thủ tục lập hồ sơ dự thầu các công trình xây lắp. Tham khảo và tìm kiếm thị trường.
- Phòng Kế toán: Có nhiệm vụ tổ chức kế toán phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán ở công ty.

- Phòng Vật tư thiết bị: Có nhiệm vụ cung ứng vật tư cho các đơn vị sản xuất. Theo dõi, quản lý vật tư theo quy định của công ty, cùng với xí nghiệp thi công cơ giới theo dõi, quản lý lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị.

- Phòng Kinh tế kỹ thuật: Có nhiệm vụ tham mưu và giúp Giám đốc theo dõi, giám sát thi công, đo đạc, kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, cấp phát hạn mức vật tư, xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện. Tổ chức nghiệm thu, lập hồ sơ hoàn công và quyết toán công trình. Hướng dẫn quy trình công nghệ thi công. Tham mưu nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật chuyên ngành.

- Xí nghiệp cầu đường 1: Là xí nghiệp có nhiệm vụ chủ yếu xây dựng cầu và cầu kiện bê tông.

- Xí nghiệp cầu đường 2: Là xí nghiệp có nhiệm vụ chủ yếu trùng tu các công trình đường giao thông, sân bay, bến bãi.

- Xí nghiệp cung ứng vật tư và xây dựng công trình: Là xí nghiệp cung cấp chủ yếu nguồn vật tư tự khai thác và sản xuất để phục vụ cho các công trình.

- Xí nghiệp bê tông Asphalt: Là bộ phận chuyên sản xuất bê tông Asphalt phục vụ cho việc rải bê tông nhựa mặt đường (bê tông Asphalt).

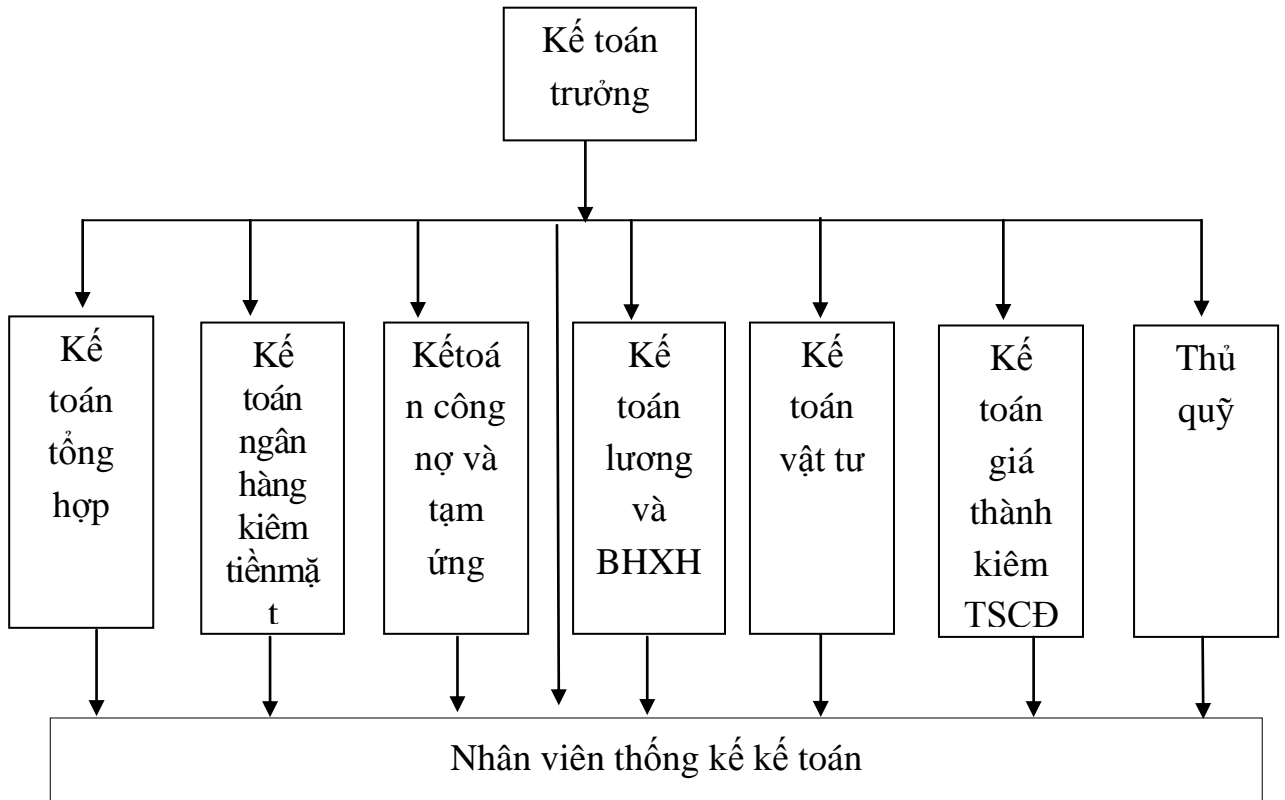
- Xí nghiệp thi công cơ giới: Là xí nghiệp quản lý và sử dụng toàn bộ phương tiện máy móc, thiết bị để phục vụ thi công các công trình. Cùng với phòng vật tư thiết bị định kỳ lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị.

Cơ cấu tổ chức trực tuyến chức năng giúp cho công ty đảm bảo được tính thống nhất trong quản lý, đồng thời chuyên môn hoá được chức năng, sử dụng có hiệu quả và hợp lý năng lực chuyên môn của các nhân viên trong công ty. Từng phòng ban xí nghiệp được bố trí hợp lý, chức năng rõ ràng, phối hợp với nhau thành bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phát huy được khả năng trong cơ chế thị trường.

#### ***2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng***

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý của doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng đã áp dụng hình thức tổ chức kế toán vừa tập trung, vừa phân tán. Tại công ty, các hoạt động kế toán bao gồm tổ chức kế toán phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán ở công ty. Ở các xí nghiệp phụ thuộc, bố trí các nhân viên kế toán làm nhiệm vụ tập hợp

chứng từ, kiểm tra chứng từ gửi, gửi các chứng từ về phòng của công ty đúng định kỳ.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Công trình giao thông HP

Chức năng nhiệm vụ của bộ máy kế toán:

- Kế toán trưởng: Là người có quyền lực cao nhất trong phòng kế toán, điều hành và xử lý toàn bộ các hoạt động có liên quan đến công tác kế toán của công ty, giúp giám đốc trong việc quản lý kinh tế và thay mặt phòng kế toán chịu trách nhiệm trước công ty.
- Kế toán tổng hợp: Có nhiệm vụ tổng hợp các báo cáo tài chính
- Kế toán ngân hàng kiêm tiền mặt: Theo dõi tiền gửi, tiền vay ngân hàng, quỹ tiền mặt.
- Kế toán công nợ và các khoản tạm ứng: Theo dõi công nợ và các khoản tạm ứng.
- Kế toán lương và bảo hiểm xã hội (BHXH): Theo dõi về các khoản lương và BHXH của người lao động. Tổng hợp và phân bổ lương của các công trình, trích lập BHXH, kinh phí công đoàn (KPCĐ).
- Kế toán giá thành kiêm tài sản cố định (TSCĐ): Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình, theo dõi tăng giảm TSCĐ, trích khấu hao TSCĐ.

- Kế toán vật tư: Theo dõi tình hình xuất nhập, tồn kho nguyên vật liệu(NVL), công cụ dụng cụ(CCDC), lập các bảng kê, bảng phân bổ NVL,CCDC.

- Thủ quỹ: Theo dõi quỹ tiền mặt của công ty.

Ngoài ra, mỗi xí nghiệp của công ty còn có một nhân viên thống kê kế toán có nhiệm vụ lập các bảng thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên của xí nghiệp và tập hợp toàn bộ các chứng từ liên quan đến chi phí sản xuất.

### ***2.1.5 Chế độ kế toán và hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng***

#### ***2.1.5.1 Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty***

- Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC.

- Hệ thống tài khoản: công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo quyết định số 15/2006 QĐ\_BTC ban hành ngày 20/ 03/ 2006.

- Niên độ kế toán áp dụng tại công ty bắt đầu từ ngày 01/ 01/ đến ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

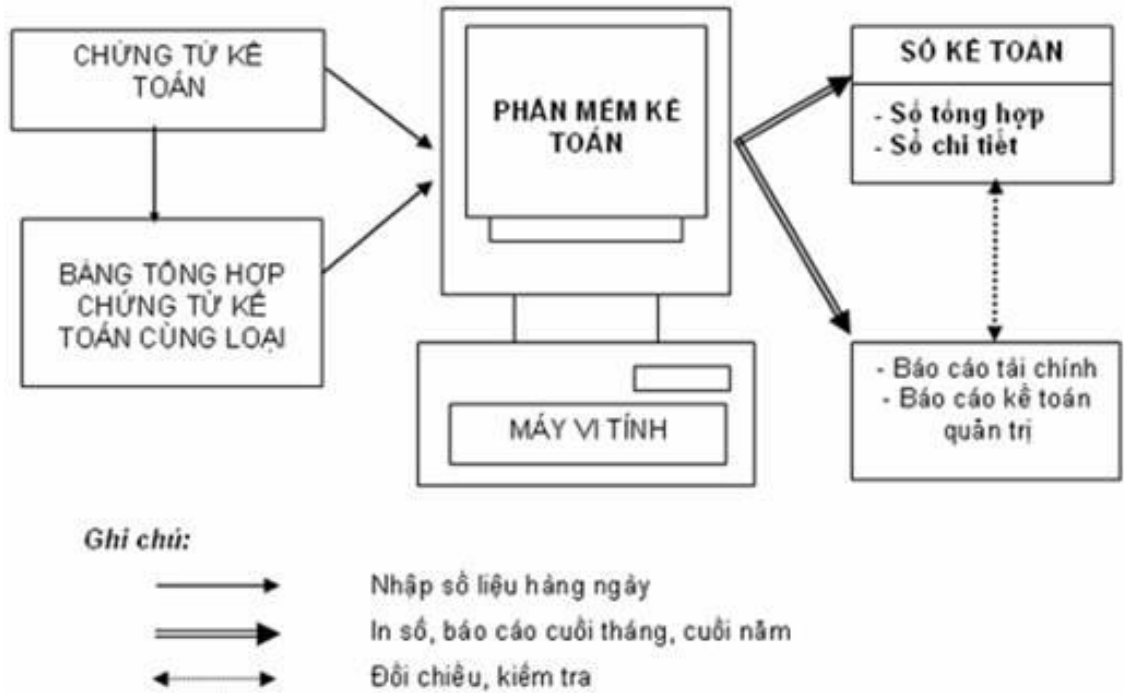
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: phương pháp khấu trừ

- Công ty sử dụng phương pháp tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng.

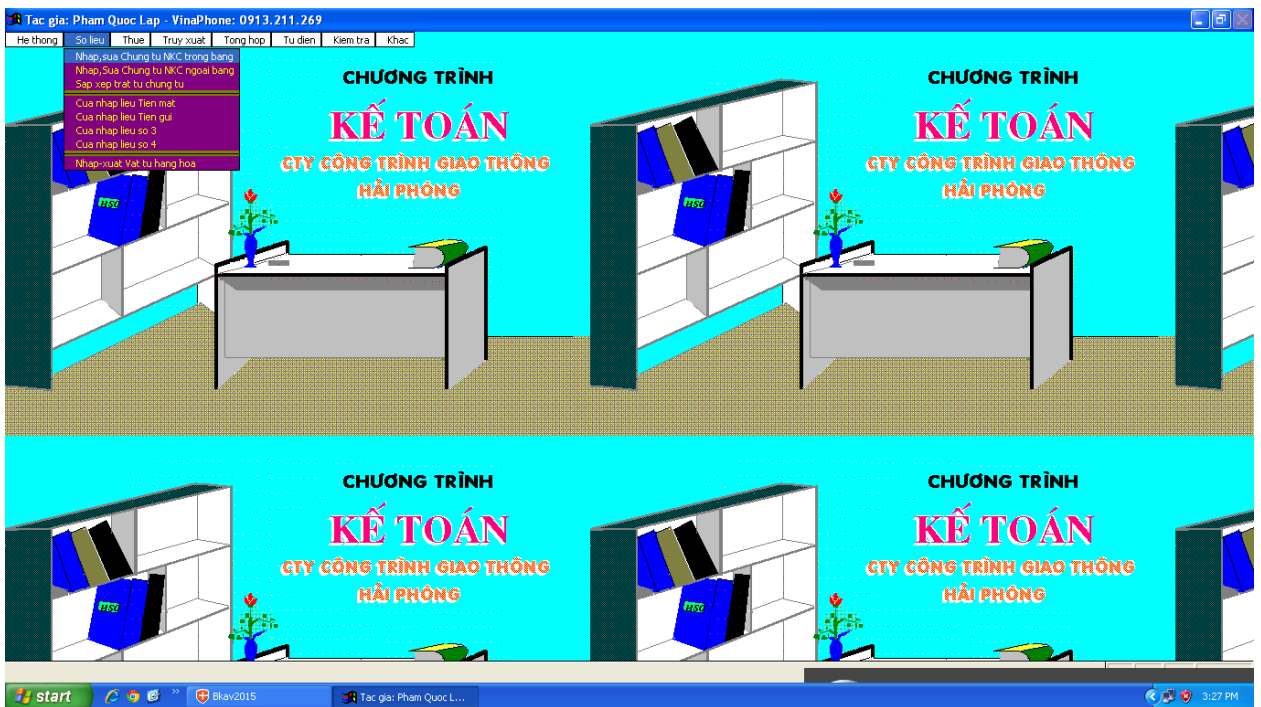
#### ***2.1.5.2 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty Cổ phần Công trình giao thông HP***

Hình thức ghi sổ kế toán của công ty là hình thức Kế toán máy. Hiện nay, công ty đang sử dụng phần mềm kế toán do tác giả Phạm Quốc Lập là một kế toán trưởng của công ty xây dựng Hà Nội viết nên thuận tiện và dễ dàng cho việc sử dụng của công ty. (Sơ đồ 2.4 và Hình 2.1)



*Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng*

*Hình 2.1 Giao diện phần mềm kế toán sử dụng tại Công ty CP công trình giao thông HP*



Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

(1) Hằng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập các báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

## **2.2 Thực trạng công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng**

### ***2.2.1 Trình tự lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

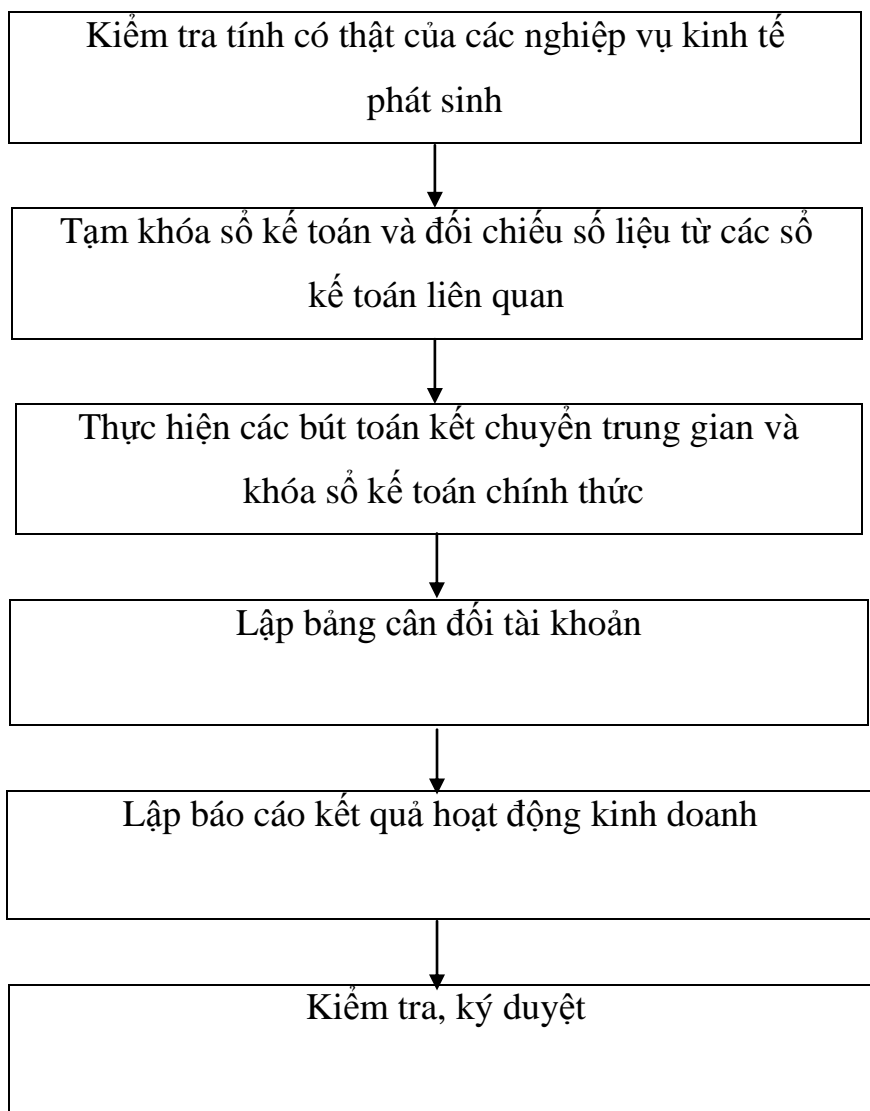
#### ***2.2.1.1 Nguồn số liệu***

- Căn cứ báo cáo kết quả kinh doanh của năm trước (năm 2013)
- Căn cứ số liệu trên sổ sách kế toán như : Sổ cái các tài khoản 511, 632, 635, 642, 711, 811, 821, 911, 421...

#### ***2.2.1.2 Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty***

##### **a) Quy trình lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty**

Các bước tiến hành lập BCKQHDKD tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng gồm; (Sơ đồ 2.5).



*Sơ đồ 2.5 Quy trình lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

b) Nội dung lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty

**Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng**

Công việc này được kế toán của Công ty thực hiện thường xuyên, định kỳ nhằm tiến hành kiểm tra tính có thật của số liệu trong chứng từ gốc và Sổ nhật ký chung(NKC).

Trình tự của việc kiểm tra các nghiệp vụ phát sinh được thực hiện như sau:

Sắp xếp chứng từ theo trình tự ghi Sổ nhật ký chung.

Kiểm tra, đối chiếu chứng từ với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào Sổ nhật ký chung, cụ thể:

- + Số lượng chứng từ khớp với số lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào Sổ nhật ký chung.
- + Đảm bảo nội dung kinh tế từng chứng từ khớp với nội dung kinh tế từng nghiệp vụ được phản ánh vào Sổ nhật ký chung.
- + Kiểm soát quan hệ đối ứng tài khoản trong Sổ nhật ký chung.
- + Kiểm soát sự phù hợp về số tiền theo từng chứng từ và số tiền nghiệp vụ phản ánh trong Sổ nhật ký chung.
- + Kiểm soát ngày tháng chứng từ trên chứng từ kế toán, ngày chứng từ trên Sổ nhật ký chung và ngày ghi sổ chứng từ.
- + Nếu có sai sót, kế toán tiến hành điều chỉnh cho phù hợp giữa thông tin trên Nhật ký chung với thông tin trên chứng từ.

**Ví dụ 1:** Kiểm tra tính có thật của nghiệp vụ phát sinh ngày 17/7/2014 Công trình đường vào nhà máy Xi Măng Hải Phòng. Tổng giá thanh toán 909.626.573 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%). Công ty TNHH VICEM xi măng HP chưa thanh toán (HD000017)

- Kế toán tiến hành sắp xếp các chứng từ theo trên phần mềm kế toán: Mở phần mềm kế toán, giao diện hệ thống phần mềm hiện lên Kế toán chọn “Số liệu” tiếp tục chọn “sắp xếp trật tự chứng từ” (Hình 2.2)

- Kế toán thực hiện in Sổ Nhật ký chung để kiểm tra tính có thật, tính đầy đủ của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Để in Sổ Nhật ký chung, kế toán cần thực hiện như sau:

Mở phần mềm kế toán, giao diện hệ thống phần mềm hiện lên, kế toán chọn “Tổng hợp”, tiếp tục chọn “In sổ nhật ký chung” (Hình 2.3)

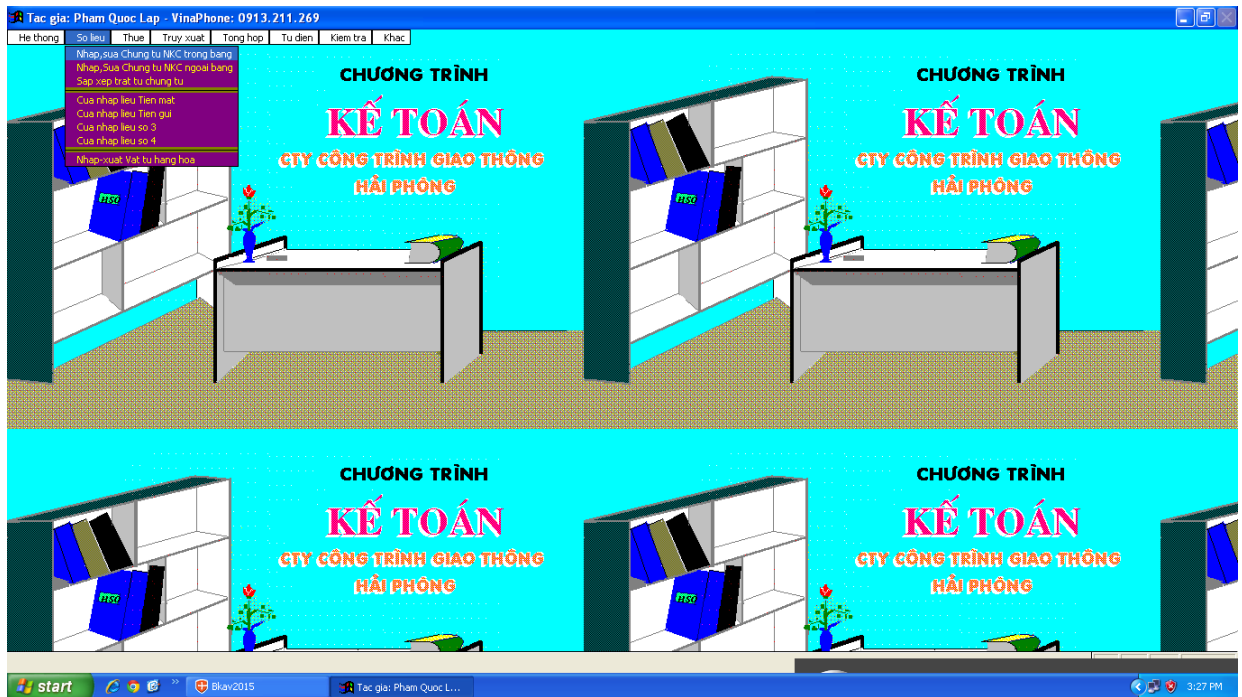
Hóa đơn GTGT số 000017 (Biểu 2.1);

Sổ nhật ký chung (Biểu 2.2);

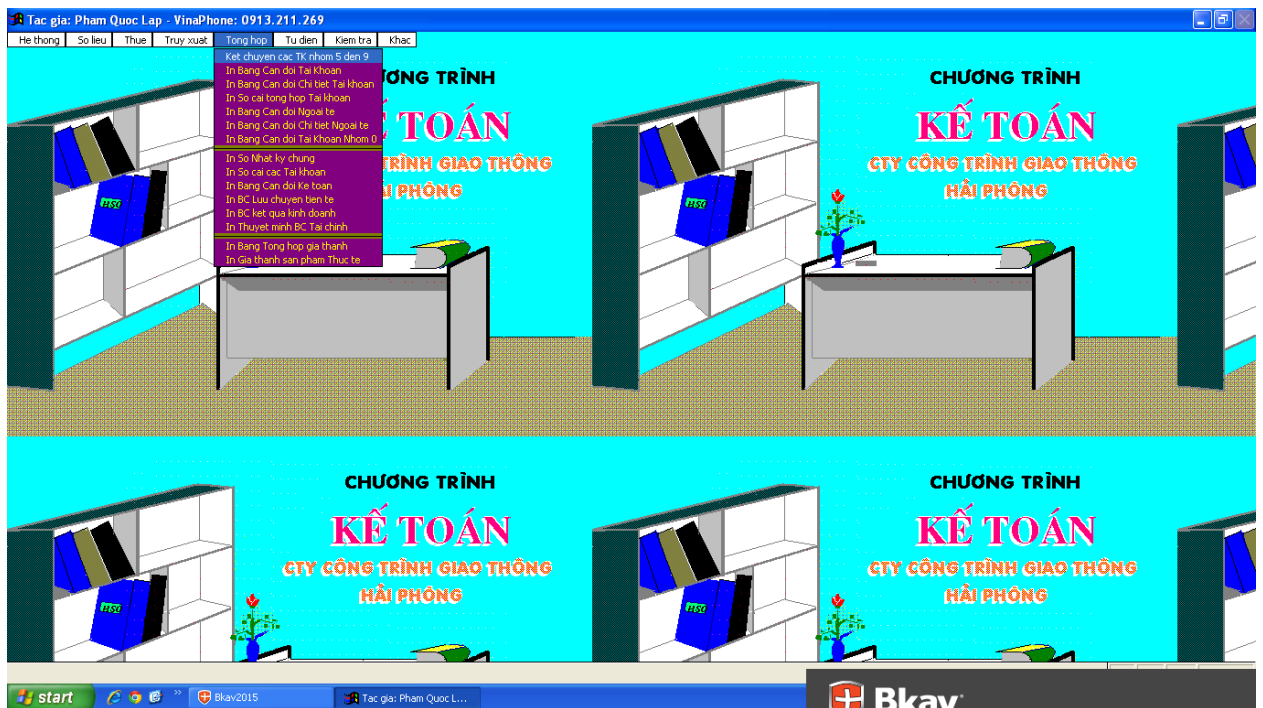
Sổ cái TK511 (Biểu 2.3).



Hình 2.2 Màn hình thực hiện thao tác sắp xếp trật tự chứng từ



Hình 2.3 Màn hình thao tác in sổ NKC



*Biểu số 2.1: Trích Hóa đơn GTGT số 000017 ngày 17/7/2014 tại công ty*

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Lưu nội bộ

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ngày 17 tháng 07 năm 2014

Ký hiệu: AA/13P

Số: 000017

Đơn vị bán hàng: **Công ty Cổ phần Công Trình Giao Thông Hải Phòng**

Địa chỉ: 708 Nguyễn Văn Linh-Lê Chân-HP

Số tài khoản: 32110000000319 NH Đầu tư và phát triển HP.

Điện thoại: 031856438

MST: 0200172020

Họ và tên người mua:

Tên đơn vị: Công ty TNHH VICEM xi măng HP

Địa chỉ: Minh Đức-Thủy Nguyên-Hải Phòng

Số tài khoản: 32110000000731 NH Đầu tư và phát triển HP

Hình thức thanh toán:

MST:0043021121

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Công trình đường vào nhà máy xi măng HP				826.933.248
Cộng thành tiền					826.933.248
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					82.693.324
Tổng cộng tiền thanh toán					909.626.573
Bằng chữ: Chín trăm linh chín triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi ba đồng chẵn.					

Ngày 17 tháng 07 năm 2014

**Người mua hàng**

**Người bán hàng**

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(Đóng dấu, ký ghi họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Công trình giao thông HP)

Biểu 2.2: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2014

Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

**Sổ nhật ký chung**

Năm 2014

Số CT	Ngày HT	Nội dung chứng từ	TK Nợ	TK Có	Số tiền
...		...			
TKB01	1/1	Kho bạc Hà Nội trả lãi tiền gửi năm 2013	1121K	515	144.318
...		...			...
HD000015	3/1	DT KL DA đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai gói A6( đợt 4)	131	511	91.340.909
			131	3331	9.134.090
CVP04	7/1	NH thu lãi vay VLD tháng 12/2013	635	1121P	65.310.266
...		...			...
PC07	8/1	Ô.Tiền lái xe 14-69 thanh toán CP công tác	642	111	700.000
...		...			...
TVP08	25/01	NH trả lãi tiền gửi tháng 1/2014	1121P	515	81.072
...		...			...
HD000017	17/7	DTCT đường vào nhà máy XM CTy TNHH VICEM xi măng HP	131	511	826.933.248
			131	3331	82.693.324
...		...			...
PT113	21/08	Trường DHDLHP nộp KP hướng dẫn thực tập	111	711	200.000
...		...			...
HTQ4/2014	31/12	Ô.Viên chi phí lương gián tiếp CT gói 23 Cầu Khuê	621	336	80.000.000
...		...			...
HTQ4/2014	31/12	HT số dư CT Cảng Đoạn Xá	811	131	62
...		...			...
		<b>Tổng cộng</b>			<b>1.295.154.822.013</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

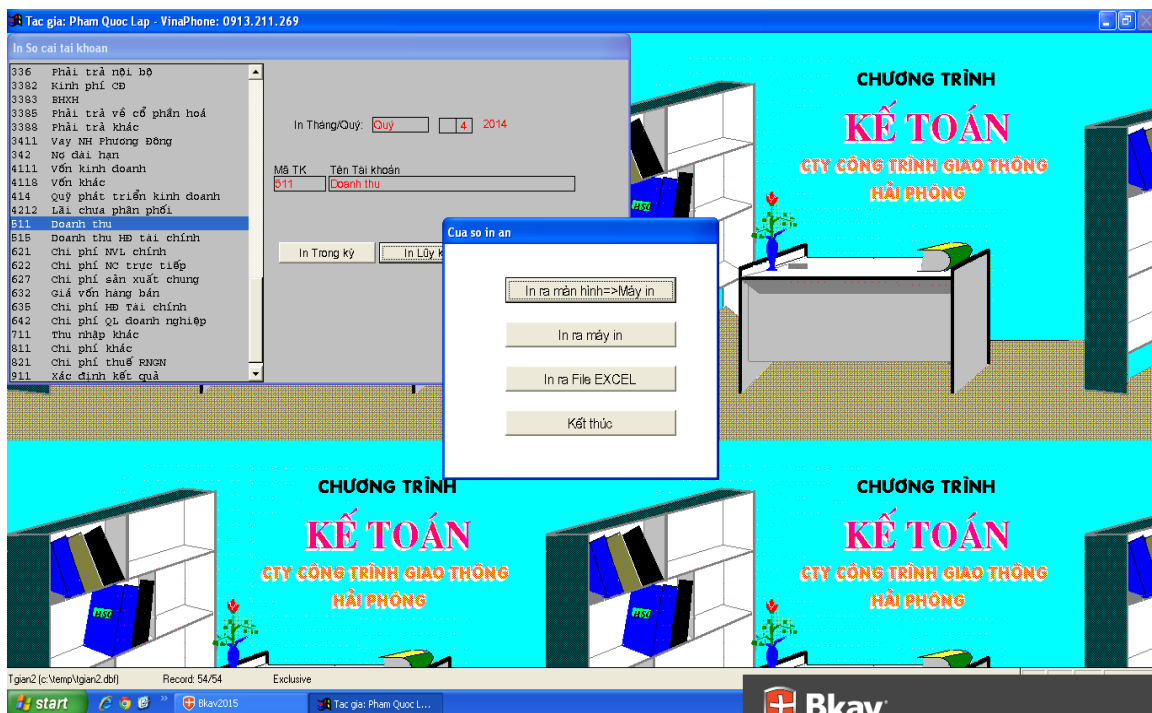
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng)

Từ số liệu đã nhập vào Sổ NKC, máy tính sẽ tự động nhập số liệu vào Sổ cái và các tài khoản liên quan. Định kỳ, kế toán đối chiếu, kiểm tra chi tiết số liệu giữa các tài khoản liên quan nhằm phát hiện sai sót và điều chỉnh kịp thời.

Để in Sổ cái, kế toán thực hiện thao tác sau: Mở phần mềm kế toán, kế toán chọn “Tổng hợp” rồi chọn “In Sổ cái các tài khoản” điền Số hiệu tài khoản, chọn thời gian “Quý 4/2014” rồi chọn “In lũy kế” để in Sổ cái tài khoản( Hình 2.4), Sổ cái TK 511 ( Biểu 2.3)

*Hình 2.4 Màn hình thao tác thực hiện chọn Sổ Cái*



*Biểu 2.3: Trích Sổ Cái TK 511 của công ty năm 2014*

*Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng*

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 511**

Năm 2014

Tên TK: Doanh thu

Số TT	Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng		Số tiền Nợ	Số tiền Có
				Nợ	Có		
1	3/1	HD000015	Doanh thu KL DA đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai gói A6(đợt 4)	131	511		91.340.909
			...				
14	26/5	HD000016	Doanh thu KL CT XD hạ tầng KT gói 3 VSIP ( lần 10) CTy TNHH VISIP	131	511		3.345.454.545
			...				
19	17/7	HD000017	DTCT đường vào nhà máy XM CTy TNHH VICEM xi măng HP	131	511		826.933.248
			...				
28	30/9	HD000019	DT KL CT cải tạo SC vệt lún sân bay Cát Bi- Cảng Hàng không VN	131	511		348.159.091
			...				
41	31/12	HTQ4/2014	Kết chuyển doanh thu	511	911	155.520.733.444	
			<b>Tổng cộng</b>			<b>155.520.733.444</b>	<b>155.520.733.444</b>

Số dư đầu kỳ:

Số dư cuối kỳ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng)*

**Ví dụ 2:** Ngày 25/1/2014 Ngân hàng VP Bank trả lãi tiền gửi ngày 25/1/2014 với số tiền là 81.072 đồng căn cứ Giấy báo Có và Sổ phụ ngân hàng ngày 25/01/2014

Giấy báo Có số 08 và Sổ phụ ngân hàng ngày 25/01/2014( Biểu 2.4)

Sổ Nhật ký chung ( Biểu 2.5) Sổ cái TK 515( Biểu 2.6)

*Biểu 2.4: Trích Giấy Báo Có kèm theo sổ phụ ngân hàng ngày 25/1/2014*

NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH	Mã GDV:TVP
VƯỢNG	Mã KH:356
VP BANK	Số GD:08

## **GIẤY BÁO CÓ**

Ngày: 25/1/2014

**Kính gửi:** CTY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung:

Số tài khoản ghi Có: 64980558

Số tiền bằng số: **81.072**

Số tiền bằng chữ: Tám mươi một nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng

Nội dung: Trả lãi tiền gửi tháng 1/2014

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG  
PV BANK

## **SỔ PHỤ VND**

Ngày:25/1/2014

Tài khoản: 64980558

**CTY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG**

DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
TRẢ LÃI TIỀN GỬI	Số dư đầu ngày	76.987.654
		81.072
	Tổng phát sinh ngày	0
	Số dư cuối ngày	77.068.726

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng)*

Biểu 2.5: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2014

Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

**Sổ nhật ký chung**

Năm 2014

Số CT	Ngày HT	Nội dung chứng từ	TK Nợ	TK Có	Số tiền
...		...			...
TKB01	1/1	Kho bạc Hà Nội trả lãi tiền gửi năm 2013	1121 K	515	144.318
...		...			...
HD000015	3/1	DT KL DA đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai gói A6( đợt 4)	131	511	91.340.909
			131	3331	9.134.090
CVP04	7/1	NH thu lãi vay VLD tháng 12/2013	635	1121P	65.310.266
...		...			...
PC07	8/1	Ô.Toàn lái xe 14-69 thanh toán CP công tác	642	111	700.000
...		...			...
TVP08	25/01	NH trả lãi tiền gửi tháng 1/2014	1121P	515	81.072
...		...			...
HD000017	17/7	DTCT đường vào nhà máy XM CTy TNHH VICEM xi măng HP	131	511	826.933.248
			131	3331	82.693.324
...		...			...
PT113	21/08	Trường DHDLHP nộp KP hướng dẫn thực tập	111	711	200.000
...		...			...
HTQ4/2014	31/12	Ô.Viên chi phí lương gián tiếp CT gói 23 Cầu Khuê	621	336	80.000.000
...		...			...
HTQ4/2014	31/12	HT số dư CT Cảng Đoạn Xá	811	131	62
...		...			...
		<b>Tổng cộng</b>			<b>1.295.154.822.013</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng)

Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK 515 năm 2014 tại công ty  
Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515**

Năm 2014

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số TT	Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng		Số tiền Nợ	Số tiền Có
				Nợ	Có		
			SDDK				
			...				
1	1/1	TKB01	Kho bạc Hà Nội trả lãi tiền gửi năm 2013	1121K	515		114.318
2	25/01	TVP08	NH trả lãi tiền gửi tháng 1/2014	1121K	515		81.072
			...				
32	31/5	TSH26	NH trả lãi tiền gửi tháng 5/2014	1121S	515		8.737
			...				
43	28/7	TVP36	NH trả lãi tiền gửi tháng 7/2014	1121P	515		115.323
			...				
77	31/12	TTECH15	NH trả lãi tiền gửi tháng 12/2014	1121M	515		17.181
78	31/12	HTQ4/2014	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	3.882.292	
			...				
			<b>Tổng cộng</b>			<b>3.882.292</b>	<b>3.882.292</b>

Số dư đầu kỳ:

Số dư cuối kỳ:

**Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng)



**Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán liên quan**

Sau khi kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, kế toán thực hiện việc đối chiếu các số liệu giữa các sổ cái tài khoản với các Bảng Tổng Hợp chi tiết.

Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các chứng từ gốc với Sổ chi tiết tương ứng của tài khoản đó. Các chứng từ gốc được sử dụng làm căn cứ để kế toán nhập số liệu liên quan. Định kỳ (tháng, quý) kế toán tổng hợp, kiểm tra, phát hiện sai sót kịp thời để điều chỉnh sai sót sao cho phù hợp với số liệu thực tế.

Trong phần mềm kế toán mà công ty đang sử dụng, không có Bảng tổng hợp doanh thu cho nên Bảng tổng hợp doanh thu do kế toán làm thủ công (Biểu 2.7) .

Sau khi in kiểm tra đối chiếu số liệu Sổ cái tài khoản 511 ( Biểu 2.3) với Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản Doanh thu (Biểu 2.7)

*Biểu 2.7: Trích bảng tổng hợp doanh thu*

*Đơn vị: Công ty cổ phần Công trình giao thông HP*

*Địa chỉ: 708 Nguyễn Văn Linh-Lê Chân-HP*

**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU**

Năm 2014

Tên công trình	Chủ đầu tư-dự án CT	Giá trị tiền hàng	Thuế	Tổng cộng
...	...	...	...	...
Đường vào UBND phường Thành Tô	Ban QL quận Hải An	307.556.364	30.755.636	338.312.000
...	...	...	...	...
Khu tái định cư quận Hải An	BQLDA các CTGTVT	26.604.964.520	2.660.496.452	29.265.460.972
...	...	...	...	...
Đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai	Tổng cty XD Bạch Đằng	7.688.935.582	768.893.558	8.457.829.140
...	...	...	...	...
Đường vào nhà máy xi măng	Cty TNHH VICEM HP	826.933.248	82.693.325	909.626.573
...	...	...	...	...
SC sân bay Cát Bi	Tổng cty cảng hàng không	1.693.084.682	169.308.469	1.862.393.151
...	...	...	...	...
<b>Cộng</b>		<b>155.520.733.444</b>	<b>15.552.073.344</b>	<b>171.072.806.788</b>

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng)*

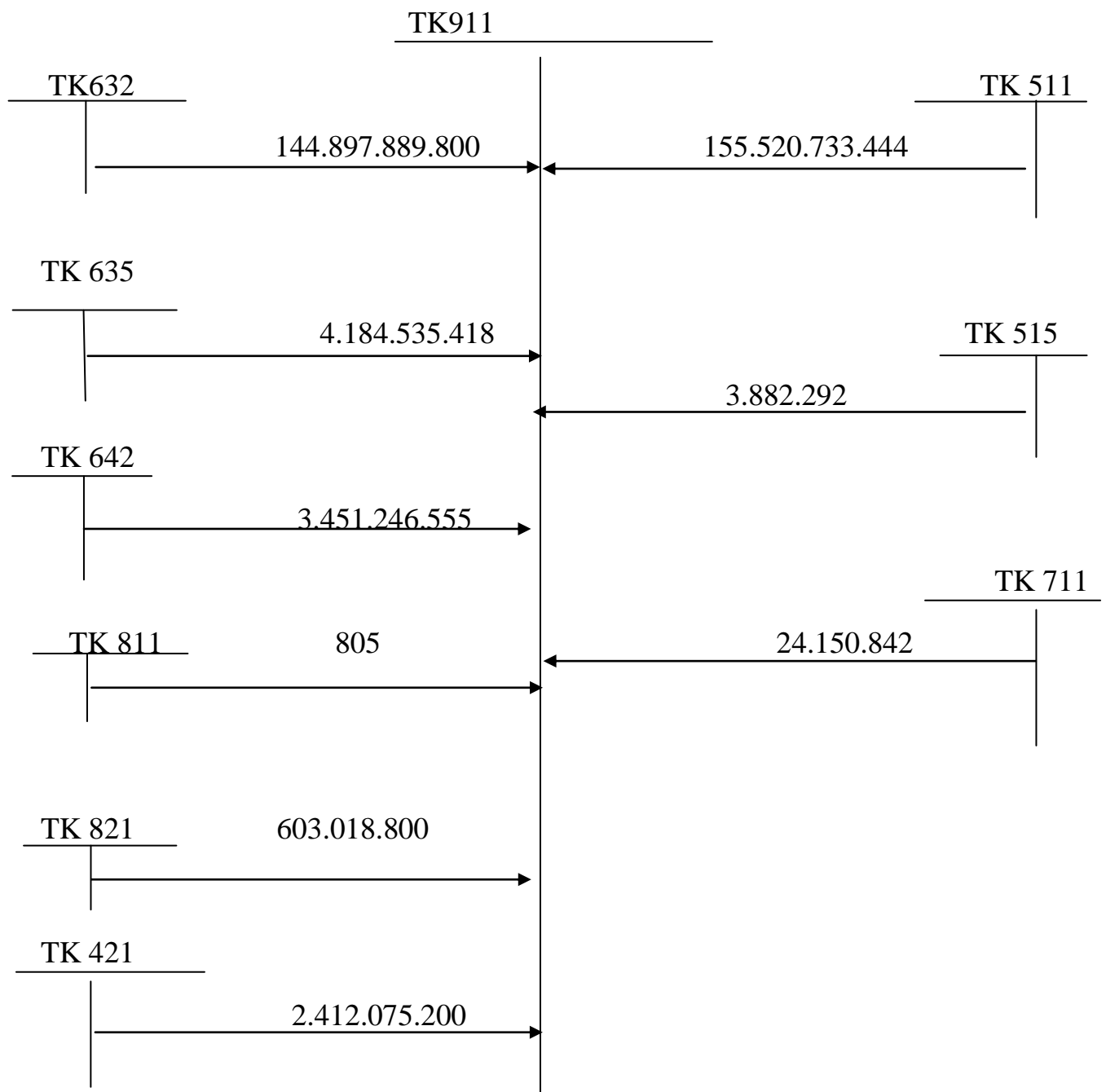
**Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán chính thức**

Trên giao diện ban đầu của phần mềm kế toán, kế toán thực hiện thao tác chọn “Tổng hợp” rồi chọn “kết chuyển các TK từ nhóm 5 đến nhóm 9”, tiếp tục chọn tháng, năm để hoàn thành (Hình 2.5)

*Hình 2.5 Giao diện màn hình thực hiện thao tác kết chuyển các TK từ nhóm 5 đến nhóm 9.*



Các bút toán kết chuyển tại Công ty CP Công trình giao thông Hải Phòng được khái quát bằng sơ đồ tổng hợp các bút toán kế chuyển sau đây (Sơ đồ 2.6)



Sơ đồ 2.6: Sơ đồ tổng hợp các bút toán kế chuyển tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

Biểu số 2.8: Trích sổ cái TK 911 năm 2014

Công ty cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

**SỔ CÁI TK 911**

Tên TK: xác định kết quả kinh doanh  
Năm 2014

Số TT	Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	Tài khoản đối ứng		Số tiền Nợ	Số tiền Có
				Nợ	Có		
1	31/12	HTQ4/2014	Kết chuyển doanh thu BH	511	911		155.520.733.444
2	31/12	HTQ4/2014	Kết chuyển doanh thu HĐ tài chính	515	911		3.882.292
3	31/12	HTQ4/2014	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	144.897.889.800	
4	31/12	HTQ4/2014	Kết chuyển chi phí HĐ TC	911	635	4.184.535.418	
5	31/12	HTQ4/2014	Kết chuyển CPQLDN	911	642	3.451.246.555	
6	31/12	HTQ4/2014	Kết chuyển thu nhập khác	711	911		24.150.842
7	31/12	HTQ4/2014	Kết chuyển chi phí khác	911	811	805	
8	31/12	HTQ4/2014	Kết chuyển CP thuế TNDN	911	821	603.018.800	
9	31/12	HTQ4/2014	Kết chuyển Lợi nhuận	911	421	2.412.075.200	
			<b>Tổng cộng</b>			<b>155.548.776.578</b>	<b>155.548.776.578</b>

Số dư đầu kỳ:

Số dư cuối kỳ:

**Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng)

#### **Bước 4: Lập Bảng cân đối tài khoản tại Công ty CP công trình giao thông HP**

Bảng cân đối tài khoản do phần mềm kế toán tự động làm sau khi kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và kết chuyển các tài khoản nhóm 5 đến TK nhóm 9.

Để xem và in Bảng cân đối Tài khoản cần thực hiện những thao tác sau:

Từ giao diện phần mềm kế toán máy kế toán chọn “Tổng hợp”, kế toán chọn “In Bảng cân đối tài khoản”. Tiếp tục chọn “Quý 4/ 2014” rồi nhấn vào để in Bảng cân đối tài khoản(Hình 2.6)

Bảng cân đối tài khoản (Biểu 2.9)

Hình 2.6: Thực hiện thao tác chọn Bảng cân đối tài khoản



Mục đích của Bảng cân đối tài khoản là kiểm tra các bút toán ghi trong hệ thống sổ sách có đảm bảo mối quan hệ cân đối giữa các tài khoản kế toán không bằng cách: Kiểm tra tính cân đối giữa Tổng dư Nợ và Tổng dư Có đầu kỳ, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trong kỳ, tổng số dư Nợ và tổng số dư Có cuối kỳ của các tài khoản kế toán thể hiện trong bảng cân đối tài khoản.

Biểu 2.9: Bảng cân đối tài khoản tại công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**

**Năm 2014**

Mã TK	Tên TK	Số dư đầu năm		Lũy kế phát sinh từ đầu năm		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	35.618.983		35.652.818.500	35.410.396.800	278.040.683	
112	Tiền gửi ngân hàng	2.242.573.374		179.187.204.314	176.548.212.354	4.881.565.374	
133	Thuế GTGT được KT			10.143.036.774	10.143.036.774		
131	Phải thu KH	42.154.505.55 7		171.072.806.788	163.263.675.765	49.963.636.580	
136	Phải thu nội bộ	8.150.490.724		51.721.131.060	57.062.621.942	2.808.999.844	
138	Phải thu khác	6.144.777.455			2.805.756.900	3.339.020.555	
141	Tạm ứng	1.347.689.190		392.976.502	479.640.430	1.261.025.262	
144	Ký quỹ	722.730.638		197.345.233	872.730.638	47.345.233	
152	Nguyên vật liệu	137.031.485		3.253.223.425	1.403.157.630	2.978.097.272	
153	Công cụ dụng cụ	7.008.609			7.008.609		
154	CPSX, KDDD	66.065.162.18 6		120.256.751.285	144.897.889.800	41.424.023.671	
211	TSCĐ	38.764.082.95 4				38.764.082.954	
214	Hao mòn TSCĐ		26.504.063.064		563.219.955		27.067.283.019
222	Góp vốn liên doanh	1.000.000.000				1.000.000.000	
228	Đầu tư dài hạn	584.017.574				584.017.574	
311	Vay ngắn hạn		13.967.466.000	25.846.121.000	25.676.809.400		13.798.154.400
331	Phải trả người bán		82.129.496.188	65.891.710.741	47.987.434.010		64.216.219.447
333	Thuế và các khoản		779.147.611	13.131.469.769	14.592.704.526		2.240.382.368

**Khoá luận tốt nghiệp**

	phải nộp						
334	Phải trả người lao động		2.011.646.359	3.726.463.600	3.299.520.100		1.584.702.589
336	Phải trả nội bộ		9.522.155.137	12.316.568.353	12.118.830.382		9.324.417.166
338	Phải trả, phải nộp khác		5.203.423.031	6.694.092.900	5.450.110.734		3.959.440.865
341	Vay ngắn hạn		367.000.000	132.000.000			235.000.000
342	Nợ dài hạn		1.237.225.099				1.237.225.099
411	Nguồn vốn kinh doanh		15.426.400.000				15.426.400.000
414	Quỹ đầu tư phát triển		10.000.000		6.385.867.609		6.395.867.609
421	Lãi chưa phân phối		10.197.666.240	10.764.979.000	2.412.075.200		1.844.762.440
511	DTBH và CCDV			155.520.733.444	155.520.733.444		
515	CP tài chính			3.882.292	3.882.292		
621	Chi phí NVLTT			98.584.139.264	98.584.139.264		
622	Chi phí nhân công TT			10.084.845.831	10.084.845.831		
627	Chi phí SXC			11.870.913.826	11.870.913.826		
632	Giá vốn hàng bán			144.897.889.800	144.897.889.800		
635	Chi phí HĐTC			4.184.535.418	4.184.535.418		
642	Chi phí QLDN			3.451.246.555	3.451.246.555		
711	Thu nhập khác			24.150.842	24.150.842		
811	Chi phí khác			805	805		
821	CP Thuế TNDN			603.018.800	603.018.800		
911	Xđ KQKD			155.548.766.578	155.548.766.578		
	<b>Cộng</b>	<b>167.355.688.729</b>	<b>167.355.688.729</b>	<b>1.295.154.822.013</b>	<b>1.295.154.822.013</b>	<b>147.329.855.002</b>	<b>147.329.855.002</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng)



**Bước 5: Lập Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Tương tự như bảng cân đối tài khoản, Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng được phần mềm kế toán tự động lập.

Số liệu sau khi đã nhập vào Nhật ký chung, trên các Sổ cái tài khoản, Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản và Bảng cân đối tài khoản của các tài khoản phần mềm tự động để lập Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .

Các thao tác để lập BCKQHĐKD như sau: Mở phần mềm kế toán máy kế toán chọn “Tổng hợp”, kế toán chọn tiếp “In Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh” Chọn thời gian in từ ngày 1/1/2014 đến ngày 31/12/2014 tiếp tục chọn “In Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh” (hình 2.7)

Ta được Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu 2.10)

*Hình 2.7 Màn hình thực hiện thao tác in BCKQHĐKD*



**Biểu 2.10: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 của công ty**  
**Đơn vị: Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng**      **Mẫu số B02-DN**  
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2014**

CHỈ TIÊU	Mã số	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	155.520.733.444	164.076.744.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		155.520.733.444	164.076.774.888
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	144.897.889.800	152.566.911.407
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10.622.843.644	11.509.863.481
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	3.882.292	14.290.101
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	4.184.535.418	3.467.524.309
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.184.535.418	3.467.524.309
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.451.246.555	4.224.401.095
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20 + (21-22) - (24+25)}	30		2.990.943.963	3.832.228.178
11. Thu nhập khác	31		24.150.842	10.803
12. Chi phí khác	32		805	253.836.981
13. Lợi nhuận khác (31-32)	40		24.150.037	(253.826.178)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thu (50= 30+40)	50		3.015.094.000	3.578.402.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	603.018.800	894.600.500
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60= 50-51-52)	60		2.412.075.200	2.683.801.500

Hải Phòng, ngày 27 tháng 2 năm 2015

**Người lập biểu Kế toán trưởng THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng)

**Bước 6: Kiểm tra và ký duyệt**

Sau khi lập xong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, người lập bảng và kế toán trưởng sẽ kiểm tra lại lần nữa để đảm bảo đúng và chính xác, sau khi đã kiểm tra xong in và ký duyệt. Cuối cùng, Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cùng Báo cáo tài chính khác sẽ được kế toán trưởng trình lên Giám đốc xem xét và ký duyệt.

Như vậy, công tác lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng đã hoàn thành.

**2.3 Thực trạng công tác phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng**

Công ty mới chỉ hoàn thành công tác lập mà chưa tiến hành phân tích Báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng.

## **CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG**

### **3.1 Một số định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng trong thời gian tới**

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, trước những yêu cầu nghiêm ngặt của quá trình hội nhập, trước những thách thức và biến động Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng có những định hướng cụ thể như sau:

- Đẩy mạnh hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm mở rộng thị trường của doanh nghiệp trên khắp cả nước.
- Giảm mức hao phí thấp nhất trong công tác thu mua, vận chuyển, bảo quản, sử dụng vật tư, không để vật tư hao hụt, mất mát hoặc xuống cấp.
- Do địa bàn của công ty rất rộng nên công ty cần mở rộng hơn nữa với bạn hàng để có nguồn hàng lâu dài, kịp thời nhanh chóng tới chân công trình khi cần.
- Tổ chức thi công một cách khoa học, hợp lý, tránh gián đoạn.
- Bên cạnh đó, công ty phải thường xuyên ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động hơn nữa.
- Khai thác và sử dụng hiệu quả các loại nguồn vốn, đơn đốc việc thu hồi công nợ, nâng cao hoạt động tài chính của công ty.
- Thực hiện tốt các cam kết đã ký trong hợp đồng mua bán, hợp đồng tín dụng với các tổ chức trong mọi thành phần kinh tế.
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên, không ngừng đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ nhiệm vụ cho mọi người.

### **3.2 Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng**

#### ***3.2.1 Những ưu điểm trong công tác kế toán nói chung, công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng***

##### **❖ Về tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty xây dựng bộ máy quản lý theo cơ cấu trực tuyến chức năng. Nhìn chung, mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty là khoa học, hợp lý và hiệu

quả phù hợp với chức năng nhiệm vụ của công ty. Từng phòng ban, xí nghiệp được bố trí hợp lý, chức năng rõ ràng phối hợp với nhau thành một bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phát huy được khả năng trong cơ chế thị trường. Nhờ đó, tổ chức sản xuất của công ty được gọn nhẹ, năng động. Mô hình tổ chức quản lý sản xuất của công ty đảm bảo tính linh động của cơ chế thị trường ngày nay.

❖ Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức tương đối chặt chẽ với đội ngũ nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc phát huy khả năng, năng lực của nhân viên, từ đó giúp công tác hạch toán kế toán được nhanh, gọn và chính xác.

Trong nội bộ phòng kế toán luôn quán triệt chế độ trách nhiệm mỗi phần việc đều có người phụ trách. Mỗi nhân viên đều hiểu rõ và làm tốt chức năng của mình, không ngừng phấn đấu học hỏi, trau dồi kinh nghiệm để nâng cao trình độ, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, tại các xí nghiệp đều bố trí nhân viên thống kê kế toán để hạch toán chính xác hơn tình hình biến động của từng đối tượng kế toán khi phát sinh. Như vậy việc tổ chức bộ máy kế toán của công ty đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ làm cho bộ máy kế toán nhanh, gọn và mạnh tạo điều kiện cho từng người và toàn bộ bộ máy kế toán hoàn thành tốt nhiệm vụ với hiệu suất chất lượng cao, thực hiện chức năng “giám đốc đồng tiền” của kế toán.

❖ Về hệ thống sổ sách

Nhìn chung hệ thống chứng từ ban đầu của công ty được tổ chức hợp lệ, hợp pháp và khá đầy đủ. Công ty sử dụng hệ thống chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính, ngoài ra còn một số chứng từ khác theo quy định của công ty.

Nhìn chung việc sử dụng các tài khoản kế toán tại công ty về cơ bản được nhân viên kế toán áp dụng đúng chế độ kế toán hiện hành.

❖ Về công tác lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

+ Việc vận dụng linh hoạt chế độ sổ kế toán vào việc xác định các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được lập theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 20/3/2006.

+ Công tác hạch toán doanh thu, chi phí một cách nhanh chóng và kịp thời nên việc lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dễ dàng và nhanh chóng.

+ Công việc chuẩn bị trước khi lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được tiến hành đầy đủ. Việc lập và trình bày các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả

hoạt động kinh doanh được tuân thủ đúng các yêu cầu và 6 nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21-‘Trình bày báo cáo tài chính’

+ Trình tự lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo đúng quy định từ cách trình bày, cách vào số liệu từng chỉ tiêu trên Báo cáo các bước lập được tiến hành chặt chẽ.

### ***3.2.2 Những hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng***

❖ Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ:

Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng là một Công ty Cổ phần trong lĩnh vực xây lắp nên có những đặc điểm, đặc thù về hoạt động sản xuất (phân tán, lưu động theo công trình thi công chủ yếu ở ngoài trời, phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, nơi sản xuất cũng chính là nơi tiêu dùng sản phẩm, sản xuất đơn chiếc, quy trình công nghệ phức tạp, chu kỳ sản xuất sản phẩm kéo dài) và đặc thù của sản phẩm (cố định ở một chỗ, kết cấu phức tạp, giá trị lớn, công kèn, chỉ có một bậc chất lượng không chấp nhận sản phẩm kém chất lượng). Do đó, hệ thống chứng từ của công ty là lớn. Bên cạnh đó, địa bàn hoạt động của công ty là rất rộng do đó việc luân chuyển chứng từ từ các xí nghiệp lên công ty bị chậm là điều không thể tránh khỏi. Đặc biệt là nguyên vật liệu(NVL) mua sau đó xuất trực tiếp cho công trình.NVL đã sử dụng chưa làm chứng từ nhập, xuất, chứng từ chậm dẫn đến công việc dồn vào cuối kỳ nên dễ ghi thiếu, ghi nhầm cho các báo cáo quyết toán thường bị chậm trễ.

Ngoài ra, hệ thống chứng từ chưa có sự thống nhất về chứng từ hạch toán của các xí nghiệp sản xuất. Việc ghi chép các chứng từ ban đầu của các xí nghiệp sản xuất chưa được cụ thể, chi tiết và còn ghi chép trùng lặp làm cho việc phân loại, xử lý chứng từ tại phòng kế toán gặp khó khăn. Một số chứng từ thanh toán lên phòng kế toán chưa đủ tính chất pháp lý.

❖ Về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty chưa tiến hành phân tích tình hình biến động của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận, chi phí chiếm tỷ trọng bao nhiêu để từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

❖ Về phần mềm kế toán máy

Phần mềm kế toán mà công ty đang sử dụng không hạch toán chi tiết mà chỉ đơn giản, dễ làm, là một Công ty Cổ phần nhưng khi in Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần mềm kế toán do tác giả Phạm Quốc Lập viết nên lại không có chỉ tiêu lãi cơ bản trên CỎ phiếu, không có bảng tổng hợp doanh thu và không phân tích các tỉ số BCTC, so sánh doanh thu và chi phí theo kỳ, theo dõi doanh thu và chi phí từng công trình, từng bộ phận. Vì vậy, mà công ty nên thay thế phần mềm kế toán mới đáp ứng được nhu cầu hạch toán của công ty.

### **3.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông**

#### **Hải Phòng**

Trên cơ sở những hạn chế trong công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty và vận dụng những kiến thức đã học được, em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng như sau:

#### ***3.3.1 Ý kiến thứ nhất công ty nên xây dựng quy trình phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Tại công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng công ty chưa tiến hành phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Thông qua việc phân tích tình hình tài chính và các kế hoạch tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của công ty được trình bày một cách rõ ràng để từ đó đề xuất hỗ trợ trong việc đưa ra các quyết định đúng đắn và hợp lý của các nhà quản trị doanh nghiệp.

Để nâng cao hiệu quả cho công tác phân tích, Ban lãnh đạo và kế toán nên lập kế hoạch phân tích cụ thể. Theo em, có thể tiến hành phân tích theo trình tự như sau:

#### **Bước 1: Lập kế hoạch phân tích**

Xác định rõ nội dung phân tích, nội dung phân tích có thể bao gồm:

- Phân tích sự biến động của giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Phân tích tình hình tài chính
- Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Phân tích các chỉ số tài chính đặc trưng
- ✓ Xác định rõ các chỉ tiêu cần phân tích
- ✓ Xác định rõ khoảng thời gian mà chỉ tiêu đó phát sinh và hoàn thành

✓ Xác định rõ khoảng thời gian bắt đầu và thời hạn kết thúc quá trình phân tích

✓ Xác định chi phí cần thiết và người thực hiện công việc phân tích

**Bước 2: Tiến hành phân tích**

Thực hiện việc phân tích dựa trên số liệu đã thu thập được (thông tin trên BCKQHĐKD 2 năm gần nhất với năm đã được kiểm tra tính xác thực) các phương pháp đã lựa chọn để tiến hành phân tích theo mục tiêu đã đề ra, tổng hợp kết quả và rút ra kết luận. Sau khi phân tích tiến hành lập bảng đánh giá tổng hợp và đánh giá chi tiết.

**Bước 3: Lập báo cáo phân tích (kết thúc quá trình phân tích)**

Báo cáo phân tích bao gồm:

+ Đánh giá ưu điểm, nhược điểm chủ yếu trong công tác quản lý của công ty.  
+ Chỉ ra được những nguyên nhân cơ bản đã tác động tích cực, tiêu cực đến kết quả đó.

+ Nêu được các biện pháp cụ thể để tiến hành cải tiến công tác đã qua, động viên khai thác khả năng tiềm tàng trong thời gian tới.

+ Với việc tổ chức công tác phân tích này, nội dung phân tích tài chính thông qua BCKQHĐKD của công ty sẽ được phân tích sâu hơn, kỹ hơn, và đánh giá được toàn diện hơn về tài chính của công ty.

**3.3.2 Ý kiến thứ hai công ty nên tiến hành phân tích cơ cấu doanh thu giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp(CPQLDN)**

Để tiến hành đánh giá tình hình biến động của doanh thu, giá vốn và CPQLDN của công ty ta tiến hành phân tích theo chiều dọc như bảng sau (Bảng 3.1)

*Bảng 3.1 : Phân tích sự biến động của giá vốn, CPQLDN*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014	
		Số tiền (đồng)	Tỷ trọng(%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng(%)
1	Doanh thu thuần	164.076.774.888	100	155.520.733.444	100
2	Giá vốn hàng bán	152.566.911.407	93	144.897.889.800	93,2
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.224.401.095	2,6	3.451.246.555	2,2
4	Chi phí hoạt động tài chính	3.467.524.309	2,1	4.184.535.418	2,7
6	Lợi nhuận trước thuế	3.578.402.000	2,2	3.015.094.000	1,9



Qua bảng 3.1 trên ta thấy, năm 2014 tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần là 93,2%, tăng 0,2% so với năm 2013. Trong năm 2013, tỷ trọng giá vốn trong tổng chi phí của doanh nghiệp chiếm 95%, trong năm 2014, tỷ lệ này vẫn giữ được ở mức cân bằng bằng năm 2013 là 95%. Nguyên nhân là do công ty đã giảm được các khoản chi phí khác. Nhìn chung qua 2 năm 2013-2014 tỷ trọng giá vốn trong doanh thu thuần của công ty có xu hướng tăng lên nhưng tăng không đáng kể tăng 0,2% so với năm 2013 nguyên nhân là do chi phí nguyên vật liệu tăng theo thời gian và chi phí cho người lao động cũng tăng do đó trong những năm tới doanh nghiệp tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ, ký kết, đấu thầu được nhiều dự án, công trình giao thông để tăng doanh thu góp phần tăng lợi nhuận của công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp, trong năm 2014 tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần là 2,2% giảm 0,4% so với năm 2013. Trong năm 2014 chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ chiếm 2,3% trong tổng chi phí của doanh nghiệp giảm 0,3% so với năm 2013. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm chứng tỏ doanh nghiệp đã thành công trong công tác tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch chi phí cụ thể, phân tích tác động của từng khoản mục để tiết kiệm chi phí giúp cho công ty hoạt động tốt hơn nhằm nâng cao uy tín của công ty.

Trong năm 2013 chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp chiếm tỷ trọng 2,1% trên doanh thu thuần. Trong năm 2014 tỷ trọng của chỉ tiêu này tăng 0,6% lên mức 2,7%. Chi phí hoạt động tài chính hoàn toàn là chi phí lãi vay doanh nghiệp phải chịu khi sử dụng vốn vay từ bên ngoài. Để đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn và phát triển tốt doanh nghiệp cần chú ý:

- ✓ Huy động thêm vốn chủ sở hữu để giảm tỷ trọng Nợ phải trả, đa dạng hóa các kênh huy động vốn, tránh việc phụ thuộc quá lớn vào nguồn vốn vay.
- ✓ Trích lập đầy đủ các quỹ dự phòng về tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo nguồn lực dự phòng.
- ✓ Sử dụng linh hoạt và thận trọng công cụ đòn bẩy tài chính cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu doanh lợi vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận trước thuế năm 2014 cũng giảm so với năm 2013. Cụ thể năm 2014 tỷ trọng lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần là 1,9% giảm so với năm 2013 là 0,3%. Nguyên nhân giảm là do giá vốn hàng bán tăng, chi phí tài

chính tăng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm dẫn đến lợi nhuận giảm, nếu chi phí quản lý doanh nghiệp không giảm thì lợi nhuận của công ty còn giảm nhiều hơn nữa.

***3.3.3 Ý kiến thứ ba công ty nên phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các tỷ số phản ánh khả năng sinh lời***

Qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 ta xác định các chỉ tiêu về khả năng sinh lời

*Bảng 3.2: Bảng phân tích các tỷ suất sinh lời*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Công thức tính</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Chênh lệch</b>
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$	%	39,8	7,8	-32
Tỷ suất lợi nhuận/Tổng vốn	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng vốn}}$	%	5,23	1,04	-4,19
Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu}}$	%	2,18	1,94	-0,24

Qua bảng 3.2 phân tích trên ta thấy :

Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu cho biết năm 2014 thì cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra sẽ tạo ra 7,8 đồng lợi nhuận, so với năm 2013 tỷ số này có thay đổi giảm 32 %, nguyên nhân là do áp lực cạnh tranh ngày càng lớn khiến tỷ suất lợi nhuận sau thuế ngày càng giảm, doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay, doanh thu giảm trong khi tài sản lại tăng, đòn bẩy tài chính cao khiến chi phí lãi vay là một trong những nhân tố bào mòn lợi nhuận của doanh nghiệp.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn cho biết năm 2014 cứ 100 đồng vốn bỏ ra sẽ tạo ra 1,04 đồng lợi nhuận. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn năm 2014 giảm 4,19 % so với năm 2013 là do năm 2014 thị trường bất động sản trầm lắng, đầu tư công giảm khiến các công trình bị sụt giảm, lãi suất ngân hàng tăng cao nên doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn vay.

Tỷ suất sinh lời trên doanh thu cho biết năm 2014 thì cứ 100 đồng doanh thu có được sẽ tạo ra 1,94 đồng lợi nhuận, tỷ số này năm 2014 là 1,94% giảm so

với năm 2013 là 0,24%, tỷ suất này giảm nguyên nhân do khó khăn trên thị trường bất động sản tạo áp lực cạnh tranh ngày càng lớn, lợi nhuận gộp thấp trong khi các chi phí lại tăng, nhiều công trình khó khăn do chủ đầu tư thiếu vốn khiến công ty phải tăng trích lập nợ khó đòi, lợi nhuận bị ảnh hưởng vì phải tăng các khoản trích lập dự phòng cho các khoản khó đòi.

**3.3.4 Ý kiến thứ tư công ty nên chú trọng đến vấn đề luân chuyển chứng từ**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ (Biểu 3.1) giữa các xí nghiệp, phân xưởng. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng xí nghiệp, đúng phân xưởng để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

*Biểu 3.1 Sổ giao nhận chứng từ*

**SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Năm:...

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Người giao	Người nhận

**3.3.5 Biện pháp 5 Công ty nên thay thế phần mềm kế toán mới**

Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, FAST Accounting, Adsoft, SMART...

**Phần mềm kế toán MISA SME.NET.2012**

MISA SME.NET.2012 (Hình 3.1) là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn

tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

*Hình 3.1. Giao diện làm việc của MISA*



### **Phần mềm kế toán FAST Accounting**

Fast Accounting (Hình 3.2) là phần mềm kế toán dành riêng cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như Sao Khuê, BIT CUP, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Fast accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua Internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox, Chrome...

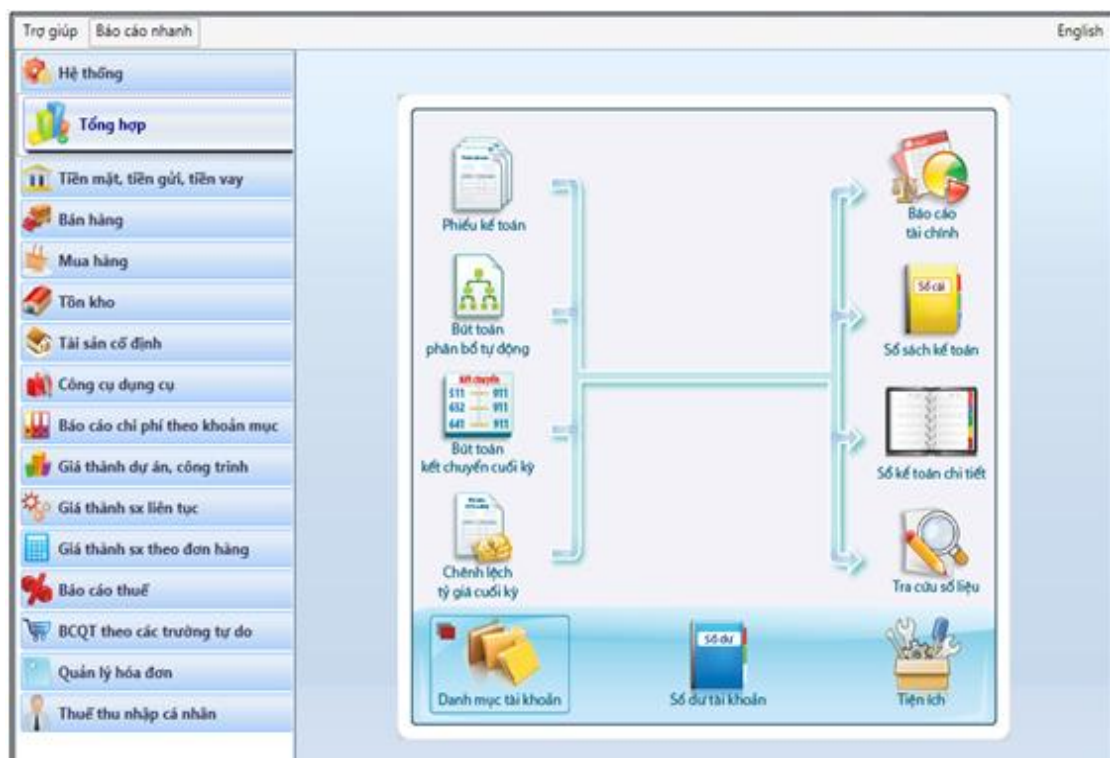
Fast Accounting cho phép chạy trên web – based giúp cho người dùng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ web, gõ

tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi ngay cả khi làm việc ở xa và khi mở rộng thêm chi nhánh, văn phòng, cửa hàng.

Phần mềm kế toán Fast Accounting có 16 phân hệ:

1. Hệ thống
2. Kế toán tổng hợp
3. Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
4. Kế toán bán hàng và công nợ phải thu
5. Kế toán mua hàng và công nợ phải trả
6. Kế toán hàng tồn kho
7. Kế toán TSCĐ
8. Kế toán CCDC
9. Báo cáo chi phí theo khoản mục
10. Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp
11. Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
12. Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn đặt hàng
13. Báo cáo thuế
14. Báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa
15. Quản lý hóa đơn
16. Thuế thu nhập cá nhân

*Hình 3.2. Giao diện của phần mềm kế toán FAST Accounting*



### **Phần mềm kế toán SMART**

Phần mềm kế toán SMART (Hình 3.3) được lập trình và phát triển bởi đội ngũ những người tâm huyết với nghề kế toán và công nghệ phần mềm, kinh nghiệm trong triển khai hệ thống.

Đây là phần mềm kế toán chuyên nghiệp phát triển trên nền CSDL Server, tốc độ truy xuất dữ liệu nhanh, tương thích với mọi Hệ Điều hành, có chức năng lưu dữ liệu sang một file khác dự phòng và khôi phục dữ liệu khi bị mất.

Cập nhật báo cáo thuế, báo cáo tài chính qua hệ thống tài khoản, theo dõi và tính thuế GTGT đầu vào, đầu ra.

Giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn lại thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể làm được:

Công nghệ lọc dữ liệu thông minh, có thể lọc được bất kỳ thông tin nào, người sử dụng chỉ việc đưa ra tiêu chuẩn lọc (dạng chữ hoặc dạng số)

Công cụ quản trị bảng dữ liệu (Bao gồm chức năng In Báo cáo nhanh, bổ sung dữ liệu ra file excel, Access và ngược lại...)

Hình thức nhập liệu quen thuộc, dễ sử dụng những chức năng vượt trội bằng việc áp dụng công nghệ lập trình một màn hình nhập, khi đăng nhập phát sinh bạn có thể mở các danh mục hồ sơ ra xem.

Bạn có thể tự định nghĩa loại chứng từ gốc và thêm bớt các thành phần cho phù hợp với đơn vị.

Bạn có thể thực hiện các phép tính (Cộng, trừ, nhân, chia) ngay tại Textbox mà mình đăng nhập và dán vào sau khi đã tính toán xong hoặc copy từ một Cell của Excel (có công thức hoặc không có công thức) dán vào.

In các quyết định mới toàn bộ biểu mẫu báo cáo và sổ sách kế toán: Báo cáo tài chính, quyết toán năm (Thuyết minh BCTC, Bảng cân đối tài khoản, Báo cáo kết quả kinh doanh chi tiết hoặc tổng hợp theo từng ngành, từng chi nhánh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, phân tích tỉ số BCTC, lập báo cáo quản trị (so sánh doanh thu, chi phí theo kỳ).

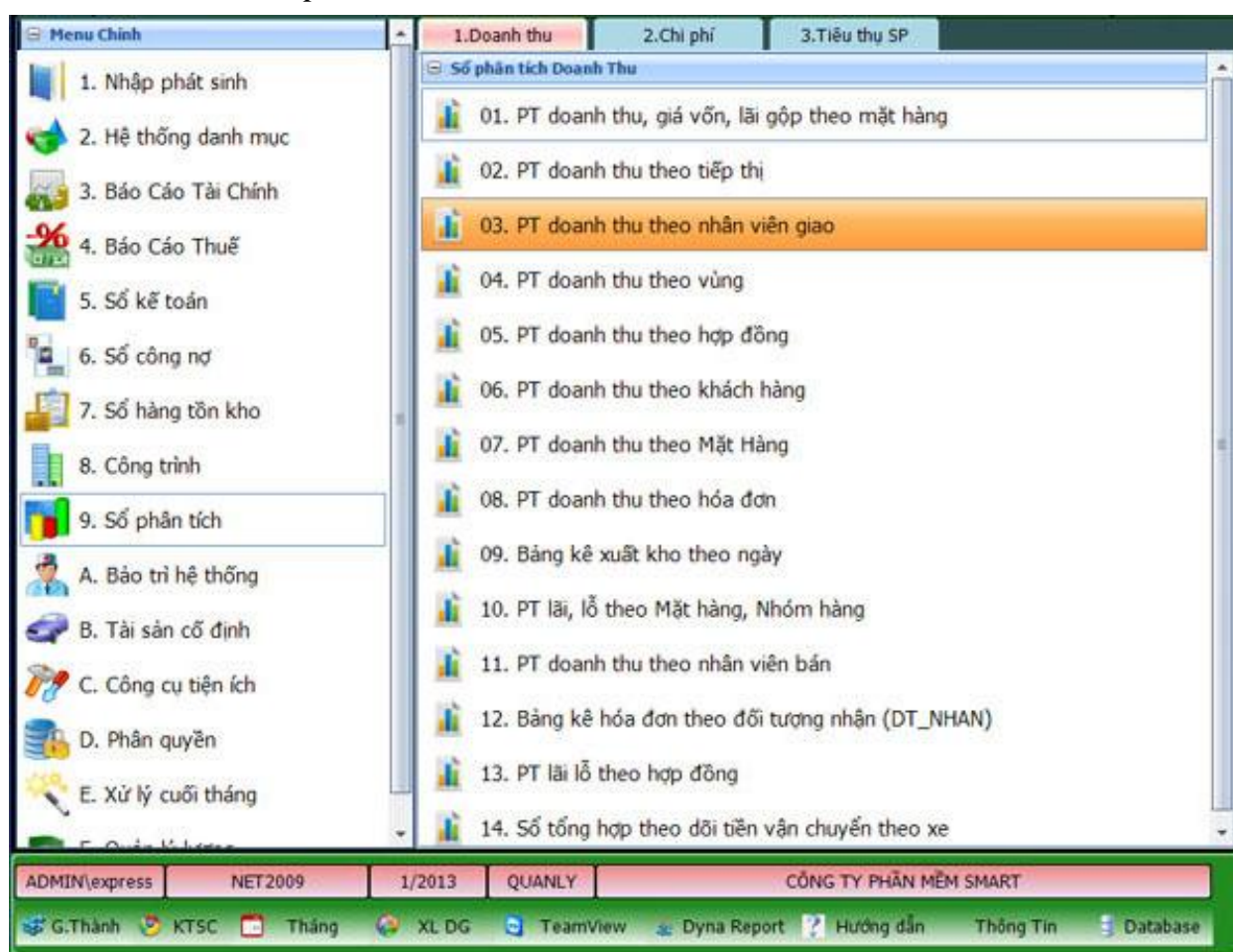
Theo dõi chi phí từng công trình, từng bộ phận. Theo dõi doanh thu của từng nhân viên, khách hàng, khu vực, hợp đồng, công trình.

Xử lý và tính giá thành tự động, theo dõi chi tiết và tổng hợp nhập xuất tồn vật tư, hàng hóa, thành phẩm theo nhiều đơn vị tính, nhiều kho...

Dựa trên đặc thù doanh nghiệp là Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng, em xin được gợi ý công ty nên sử dụng phần mềm kế toán SMART

(Hình 3.3.). Phần mềm kế toán SMART là một phần mềm kế toán chuyên nghiệp, cập nhật báo cáo thuế, báo cáo tài chính qua hệ thống tài khoản nhanh chóng, công nghệ lọc dữ liệu thông minh, giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn và thực hiện được nhiều việc như theo dõi doanh thu, chi phí từng công trình, từng bộ phận, xử lý và tính giá thành tự động in được báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chi tiết như mẫu B02-DN)

Hình 3.3 Giao diện phần mềm kế toán SMART





## KẾT LUẬN

Đề tài “Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng ” đã giải quyết được một số vấn đề đặt ra như sau:

❖ Về mặt lý luận:

- ✓ Hệ thống hóa được những vấn đề chung về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- ✓ Hệ thống hóa được những lý luận về công tác phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, đánh giá khái quát được tình hình tài chính trong doanh nghiệp.

❖ Về mặt thực tiễn

- ✓ Đề tài đã phản ánh thực tế công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng.
- ✓ Đề tài đã đánh giá được những ưu, khuyết điểm trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác Lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng.
- ✓ Đề tài đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của *Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương*, các thầy, cô giáo Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, ban Giám đốc và các cán bộ kế toán phòng Tài Chính Kế toán của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên  
Đinh Thị Kim Thu



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đọc, lập và phân tích Báo cáo tài chính doanh nghiệp- Nhà xuất bản thống kê  
Chủ biên: PGS TS Nguyễn Thế Chi, TS Vũ Công Tý
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 và quyển 2 – NXB Tài chính
3. Giáo trình: Phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp NXB Tài chính HN-2003
4. Quản trị tài chính doanh nghiệp- NXB Tài chính 2001
5. Kế toán tài chính – NXB Thống kê TS Phan Đức Dũng 2009
6. Tài liệu tham khảo tại phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng